

Báo cáo Chiến lược | 11/01/2022

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

Tháng 01 năm 2022

Sẵn sàng để tăng tốc trong năm mới

Phòng Phân Tích | Nguyễn Thị Hòa, hoant@acbs.com.vn

www.acbs.com.vn

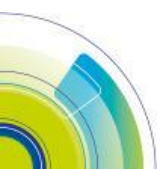
ACBS

Năm 2021 khép lại với một ghi nhận tích cực đối với cả môi trường kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính. Ba tháng sau khi chuyển sang chiến lược 'sống chung với COVID-19', tăng trưởng GDP của Việt Nam trong quý 4 đã đảo chiều tăng 5,22% kéo theo tăng trưởng GDP cả năm đạt 2,58%, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020 nhưng vẫn là một kết quả đáng khích lệ cho một năm đầy khó khăn. Ngành sản xuất của Việt Nam duy trì tăng trưởng trong tháng cuối cùng của năm 2021, IIP năm 2021 tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước trong khi PMI tiếp tục cải thiện lên 52,5. Dòng vốn giải ngân FDI giảm nhẹ 1,2% trong khi vốn FDI cam kết tăng 9,2%. Xuất nhập khẩu là điểm nhấn của nền kinh tế với thặng dư thương mại đạt 4 tỷ USD và nằm trong nhóm 20 nền kinh tế dẫn đầu về thương mại quốc tế. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 1,1% trong tháng 12 và ghi nhận mức tăng trưởng âm 3,8% cho cả năm 2021. Tỷ giá Việt Nam Đồng so với Đô la Mỹ có một tuần biến động mạnh nhưng trở lại ổn định và kết thúc năm ở mức 22.920, tỷ giá USD/VND giảm 1,16% so với so với năm ngoái. CPI tăng 1,84% so với cùng kỳ và duy trì dưới mục tiêu 4% theo kế hoạch của chính phủ.

Với việc chỉ số kết thúc năm ở mức 1.498 điểm, VNIndex đã tăng 35,7% vào năm 2021 và lọt vào danh sách 10 thị trường chứng khoán tăng điểm hàng đầu thế giới. Trong khi đó, chỉ số VN30 giảm 0,9% so với tháng trước nhưng ghi nhận mức tăng trưởng 42,3% so với năm ngoái. Cả nhà đầu tư nước ngoài và khối tự doanh của các công ty chứng khoán đều giảm lượng bán ròng của họ trong tháng. Thị trường có một số phiên giảm sâu trước thông tin Omicron biến thể mới xuất hiện tại Việt Nam, tuy nhiên tâm lý thị trường nhanh chóng lạc quan trở lại do các ca nhiễm này đã được cách ly khi trở về từ nước ngoài.

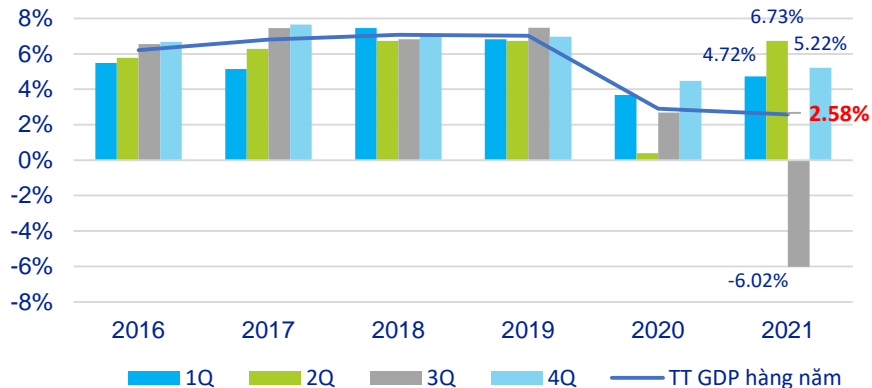
Trong ngắn hạn, động lực thúc đẩy thị trường đến từ kết quả kinh doanh lạc quan của các công ty trong quý 4/2021 với nhiều công ty có sự cải thiện về doanh thu. Ngoài ra, kỳ vọng về mùa mua sắm cuối năm trước Tết Nguyên đán đã thúc đẩy nhu cầu hàng hóa, dịch vụ và có lợi cho các nhà bán lẻ. Doanh số bán lẻ đã được cải thiện trong hai tháng liên tiếp cho thấy chiến lược chống đại dịch mới đã giúp mọi người trở lại hoạt động bình thường. Dòng vốn đến từ nhà đầu tư mới mở tài khoản giao dịch trong thời gian gần đây cộng với nguồn vốn dồi dào đến từ hoạt động tài trợ ký quỹ của các công ty chứng khoán có thể thúc đẩy tăng trưởng và thanh khoản của thị trường cũng như tạo lực đỡ cho thị trường chống lại sự sụt giảm trở lại. Chúng tôi tin rằng thị trường chứng khoán của Việt Nam vẫn còn dư địa để tăng trưởng do chúng tôi kỳ vọng các công ty trong các lĩnh vực chính sẽ tiếp tục phát triển vào năm 2022.

1. Kinh tế vĩ mô
2. Thị trường vốn
3. Chủ đề thời sự
4. Tóm tắt ngành



- ❖ **Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong quý 4/2021 đạt 5,22%. Nhìn chung, GDP cả năm 2021 tăng trưởng 2,58%**, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020 nhưng đây là một kết quả đáng khích lệ trong một năm khó khăn do sự hoành hành của virus Covid-19.
- ❖ **Ngành sản xuất của Việt Nam duy trì tăng trưởng** trong tháng cuối năm 2021, dẫn đến tăng trưởng của IIP năm 2021 đạt 4,8%, cao hơn mức tăng 3,4% của năm 2020. Trong tháng 12, IIP tăng 3,5% so với tháng trước và 8,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, chỉ số PMI tiếp tục cải thiện lên 52,5. **Vốn giải ngân FDI giảm nhẹ** 1,2% y/y xuống còn 19,7 tỷ USD trong khi vốn FDI cam kết tăng 9,2% lên 31,15 tỷ USD.
- ❖ **Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tháng 12 đạt 66,5 tỷ USD** (tăng 6,4% m/m và tăng 24,8% y/y) và xuất siêu đạt 2,5 tỷ USD. Trong năm 2021, Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại ở mức 4 tỷ USD. Với kỷ lục lịch sử mới về tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, Việt Nam đã nằm trong nhóm 20 nền kinh tế dẫn đầu về thương mại quốc tế. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 12 tăng lên 458 nghìn tỷ đồng (tăng 4,6% m/m, tăng 1,1% y/y). Năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 4.789 nghìn tỷ đồng (giảm -3,8% y/y).
- ❖ Tỷ giá USD/VND tại các ngân hàng thương mại và trên thị trường liên ngân hàng tăng vọt lên mức cao nhất là 23.220 trong tuần đầu tiên của tháng 12 do nhu cầu tăng đột biến. Tỷ giá USD/VND tại các ngân hàng thương mại quay đầu giảm sau 1 tuần tăng nóng quá mức và kết thúc năm ở mức 22.920, tỷ giá USD/VND giảm 1,16% so với so với năm ngoái. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12 giảm nhẹ 0,18% so với tháng trước chủ yếu do giá xăng dầu đi xuống từ ngày 10 tháng 12 khiến giá giao thông giảm 1,71% so với tháng trước. Cho cả năm 2021, chỉ số CPI tăng 1,84% so với cùng kỳ, vẫn nằm dưới mục tiêu 4% theo kế hoạch của chính phủ và ghi nhận mức tăng thấp nhất trong 5 năm gần đây. CPI cơ bản năm 2021 tăng 0,81% so với cùng kỳ.
- ❖ Tăng trưởng tín dụng của Việt Nam năm 2021 đạt 13% từ mức tăng 12,17% của năm 2020, tỷ lệ nợ xấu bao gồm cả nợ xấu bán cho VAMC tăng lên khoảng 3,79% trong năm nay (so với 1,3% vào cuối năm 2020), theo thông tin tại buổi họp báo về triển khai nhiệm vụ ngành ngân hàng năm 2022
- ❖ Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ đã thông báo rằng họ sẽ đẩy nhanh việc chấm dứt chương trình hỗ trợ đại dịch của ngân hàng trung ương cho nền kinh tế Hoa Kỳ bằng một sự thay đổi lớn, theo đó thị trường sẽ chứng kiến một loạt các đợt tăng lãi suất trong năm tới. Các nhà đầu tư hiện đang theo dõi chặt chẽ tất cả các thông báo của cơ quan này cho chiến lược đầu tư của họ. Trong khi đó, ngân hàng trung ương của Trung Quốc khẳng định chính sách tiền tệ linh hoạt vào năm tới để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Tăng trưởng GDP theo quý

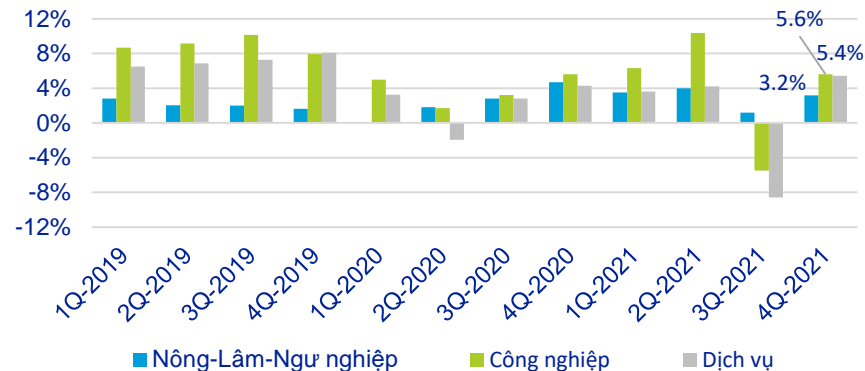


Nguồn: GSO, ACBS

❖ Tăng trưởng GDP Việt Nam trong quý 4 tăng 5,22% sau mức giảm theo quý sâu nhất trong quý 3 nhờ chiến lược mới của Chính phủ “sống chung với COVID-19” giúp kinh tế mở cửa trở lại ở các thành phố lớn và duy trì hoạt động kinh tế trên cả nước mặc dù COVID-19 vẫn đang lây lan ở một số tỉnh. Trong đó, khu vực Nông - lâm - thủy sản (+ 3,16%) tiếp tục tăng trưởng tích cực, khu vực Công nghiệp - xây dựng (+ 5,61%) và khu vực Dịch vụ (+ 5,42%) quay trở lại mức tăng trưởng dương dẫn đến GDP năm 2021 tăng 2,58%, thấp hơn 2,91% của năm 2020 nhưng đó là kết quả đáng khích lệ trong năm khó khăn do Covid-19 hoành hành.

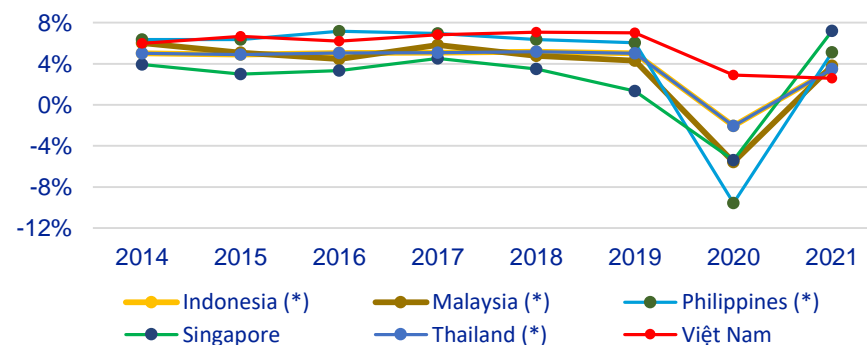
❖ Về GDP năm 2021 theo chi tiêu, Tiêu dùng cuối cùng tăng 2,09%, Tích lũy tài sản tăng 3,96%, Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,01% và Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,16%.

Tăng trưởng GDP theo ngành



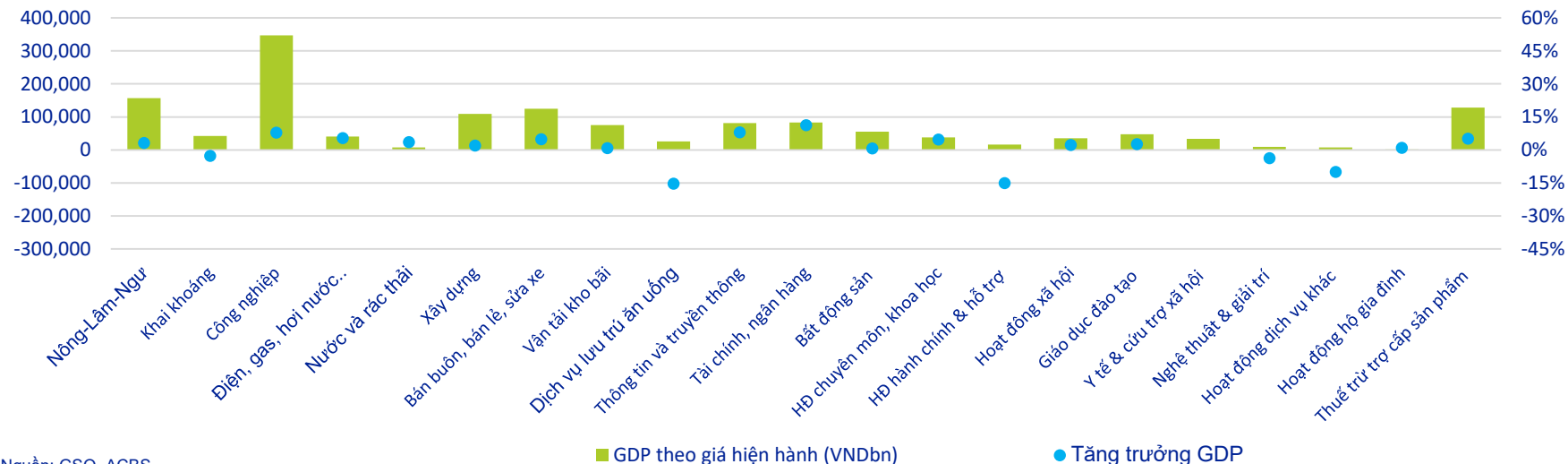
Nguồn: GSO, ACBS

Tăng trưởng GDP Việt Nam và khu vực



Nguồn: Ngân hàng Thế giới, ACBS. Ghi chú: (*) ước tính của ADB vào tháng 12/2021

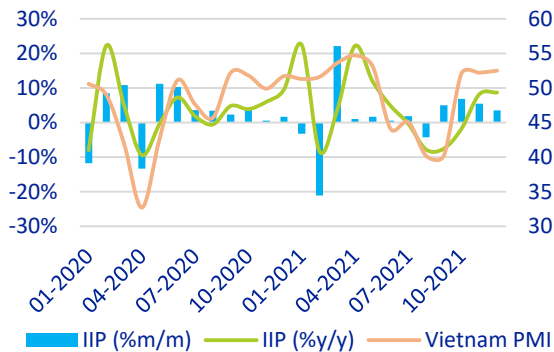
GDP theo ngành trong 4Q2021



Nguồn: GSO, ACBS

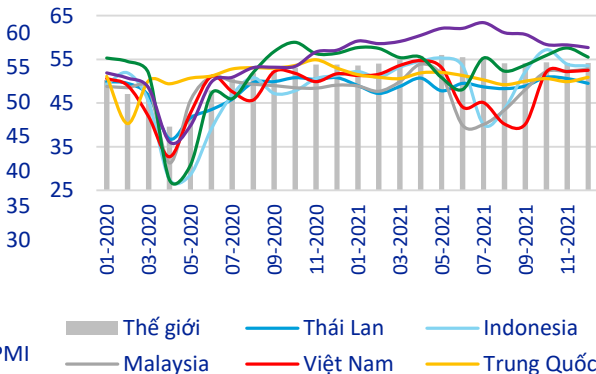
- ❖ Hầu hết các ngành công nghiệp phục hồi trong quý 4 khi giãn cách xã hội chấm dứt ở các trung tâm công nghiệp lớn ở các thành phố phía Nam và lĩnh vực sản xuất phục hồi trong những tháng cuối năm. Lĩnh vực sản xuất, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng GDP, tăng trở lại 8% so với cùng kỳ năm trước, Tài chính-ngân hàng và bảo hiểm cũng tăng mạnh 11,2%, xây dựng tăng 2,1% trong khi khai khoáng giảm 2,7%.
- ❖ Một số ngành dịch vụ vẫn bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 như Lưu trú & thực phẩm (-15,3%), Nghệ thuật, Trò chơi & Giải trí (-3,7%) và các dịch vụ khác (-10%).

Chỉ số IIP và PMI của Việt Nam



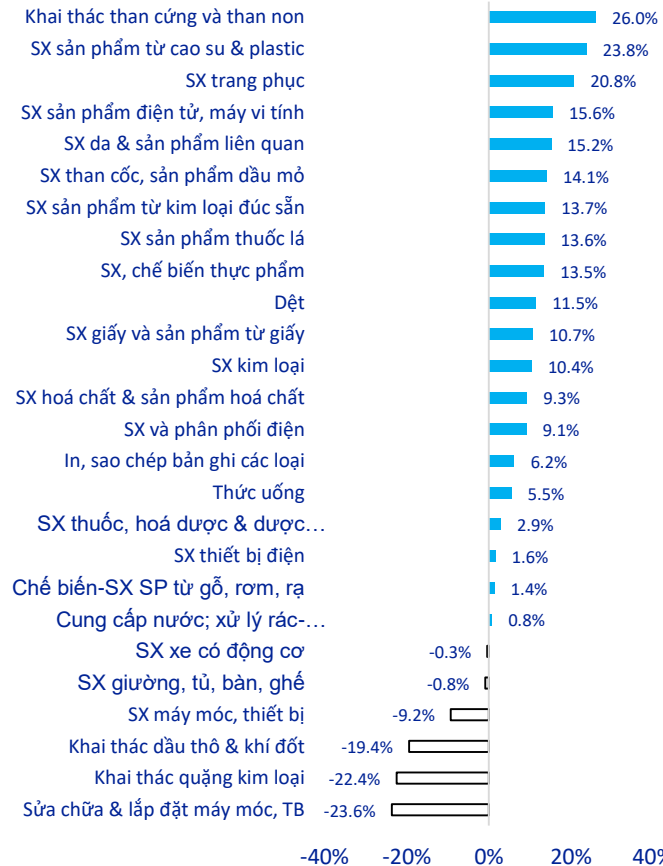
Nguồn: GSO, IHS Markit, ACBS

Chỉ số PMI Việt Nam và các nước



Nguồn: Bloomberg, IHS Markit, ACBS

Chỉ số IIP tháng 12/2021 theo ngành

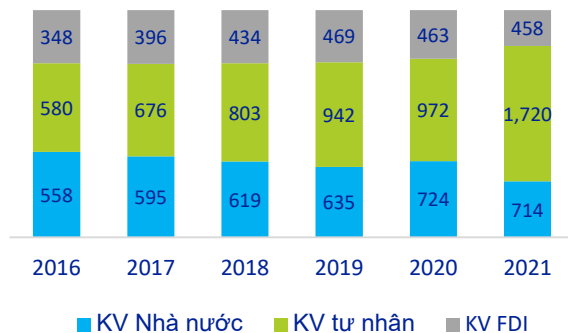


Nguồn: GSO, ACBS

- ❖ Ngành công nghiệp chế tạo của Việt Nam duy trì tăng trưởng trong tháng cuối năm 2021, đưa mức tăng trưởng của IIP năm 2021 đạt 4,8%, cao hơn mức tăng trưởng 3,4% của năm 2020. Trong tháng 12, IIP tăng 3,5% m/m và 8,7% y/y (so với 1,6% m/m và 9,5% y/y trong tháng 12 năm 2020). Một số sản phẩm đáng chú ý trong tháng là than sạch (+ 26%), thép (+ 5,3%), dầu khí (+ 1,7%), tivi (-35%), thức ăn cho gia súc (+ 9,5%), thép cán (+ 18%).
- ❖ Chỉ số PMI tiếp tục cải thiện lên 52,5 trong tháng 12, lĩnh vực sản xuất phục hồi do nhu cầu tăng trước thềm năm mới. PMI của nhiều nước cũng tăng nhưng một số nước trong khu vực như Thái Lan, Indonesia, Ấn Độ có PMI giảm trong tháng 12.
- ❖ Hoạt động sản xuất vẫn tiếp tục phục hồi vào tháng cuối của năm 2021 nhưng chậm lại trong bối cảnh Omicron biến thể mới đang lan rộng ở Châu Âu và Hoa Kỳ mặc dù nó không bị ảnh hưởng nhiều ở Việt Nam và khu vực ASEAN. Đơn hàng mới tiếp tục tăng nhưng chỉ số lao động chỉ nhích lên 1,7% so với tháng 11 (so với 3,3% của tháng 11).

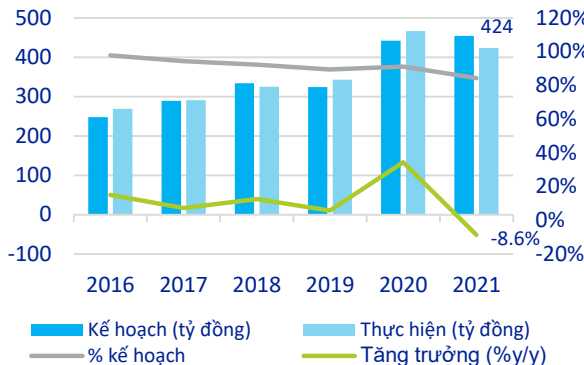
Tổng vốn đầu tư xã hội

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng



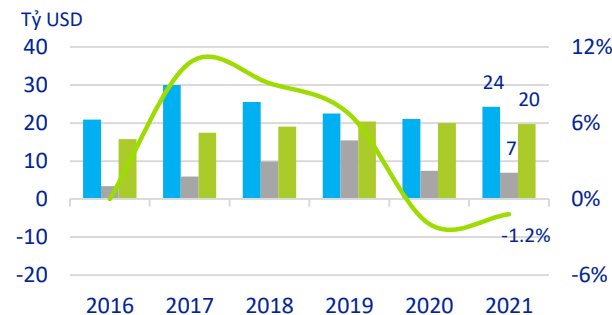
Nguồn: GSO, ACBS

Đầu tư công



Nguồn: GSO, ACBS

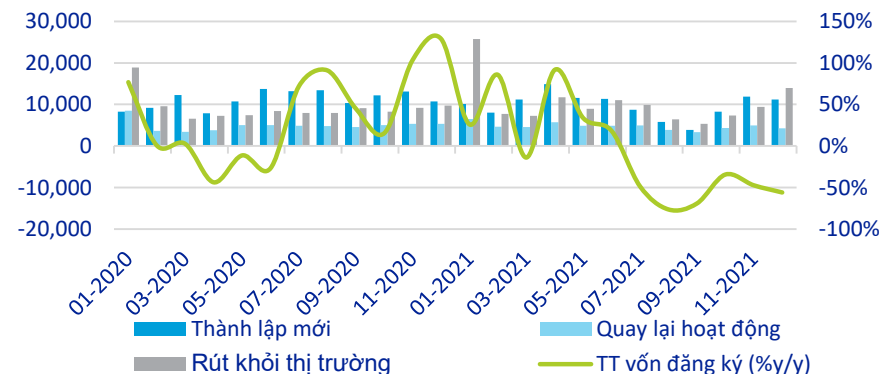
FDI theo năm



Nguồn: MPI, ACBS

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đảo chiều tăng 6,2% trong quý 4, đạt 1.000 nghìn tỷ đồng, trong đó khu vực ngoài quốc doanh giảm vai trò đóng góp 60,4% vào tổng vốn so với 62,8% của quý 3. Cho năm 2021, xã hội nhận được tổng cộng 2.892 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 3,2% so với tăng 5,7% trong quý 4/2020)
- Trong tháng 12, Việt Nam đã chi 56 nghìn tỷ đồng cho đầu tư công, tăng 15,4% m/m nhưng giảm 6,1% y/y (so với +9,4% m/m và +38,3% y/y vào tháng 12 năm 2020). Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm nay cao hơn các năm trước và đạt 84,3% (năm 2020 là 73,8%). Chi tiêu công tăng nhanh trong tháng 12 và tiếp tục gặp khó khăn trong giải phóng mặt bằng và giá nguyên vật liệu tăng.
- Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 11.221 (-6% m/m, +5% y/y), doanh nghiệp mở lại tăng lên 4.223 (-15% m/m, -21% y/y); có 13.945 doanh nghiệp rút khỏi thị trường (+48% m/m, +44% y/y).

Tình hình hoạt động của doanh nghiệp



Nguồn: GSO, ACBS

Dự án trọng điểm trong 11M2021	Vốn ước tính (VNDbn)	Tiến độ thực hiện
Dự án giải phóng mặt bằng sân bay Long Thành	22,856	Đã giải ngân tổng cộng 13.251 tỷ đồng (58% kế hoạch)
Dự án xây dựng sân bay Long Thành – Giai đoạn 1	109,111	Khởi công tháng 1/2021
Dự án đường cao tốc Bắc Nam phía Đông (giai đoạn 2017-2020)	118,716	Đã giải ngân tổng cộng 12.036 tỷ đồng (83% kế hoạch)
Cao Bò - Mai Sơn	1,600	Đúng tiến độ (96%). Dự kiến hoàn thành 12/2021
Mai Sơn – Quốc lộ 45	12,920	Hoàn thành 41%, đúng tiến độ
Quốc lộ 45 - Nghi Sơn	6,330	Khởi công T7/2021. 21,7%
Nghi Sơn – Diễn Châu	8,380	Khởi công T7/2021. 21,7%
Diễn Châu - Bãi Vọt (PPP)	13,340	Khởi công T5/2021
Cam Lộ - La Sơn	7,670	70%, chậm tiến độ
Nha Trang - Cam Lâm (PPP)	7,615	Khởi công T7/2021, đang huy động vốn
Cam Lâm - Vĩnh Hảo	13,960	Ký HĐ BOT vào T7/2021, đã ký HĐ tín dụng
Vĩnh Hảo - Phan Thiết	11,600	18%, chậm tiến độ
Phan Thiết – Dầu Giây	14,360	24%, chậm tiến độ
Cầu Mỹ Thuận 2	5,000	72%, vượt tiến độ

Các quyết định quan trọng của Chính phủ về Đầu tư công trong năm 2021

Luật số 64/2020 / QH14 ngày 18/6/2020 có hiệu lực ngày 01/01/2021 về Đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Nghị quyết số 26/NQ-CP của Chính phủ : Triển khai Nghị quyết số 1213/NQ-UBTVQH14 ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc chuyển đổi phương thức đầu tư 02 dự án thành phần Quốc lộ 45-Nghi Sơn và Nghi Sơn - Diễn Châu

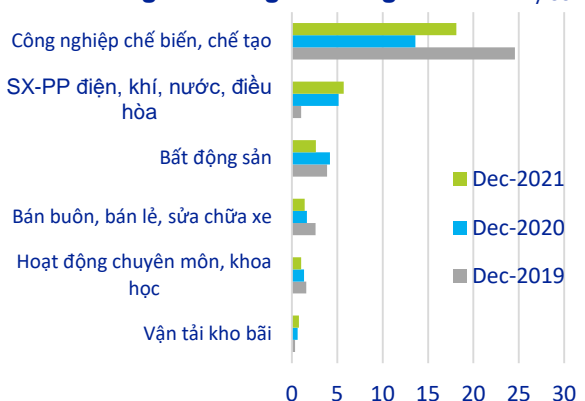
Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 23/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội : Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. . Theo đó, tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân giai đoạn 2021-2025 khoảng 32-34% GDP, tỷ trọng vốn đầu tư công bình quân 5 năm khoảng 16-17% tổng vốn đầu tư của toàn xã hội. Tổng vốn ngân sách nhà nước cho kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 2.870.000 tỷ đồng, bao gồm: Ngân sách trung ương 1.500.000 tỷ đồng; 1.370.000 tỷ đồng cân đối từ ngân sách địa phương.

Quyết định số 1769/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, đến năm 2030, mạng lưới đường sắt quốc gia sẽ có thêm 9 tuyến đường sắt mới, tổng chiều dài 2.362 km, bao gồm cả tuyến cao tốc Bắc - Nam. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 240.000 tỷ đồng. Ưu tiên đầu tư 2 tuyến đường sắt Hà Nội - Vinh và Nha Trang - TPHCM.

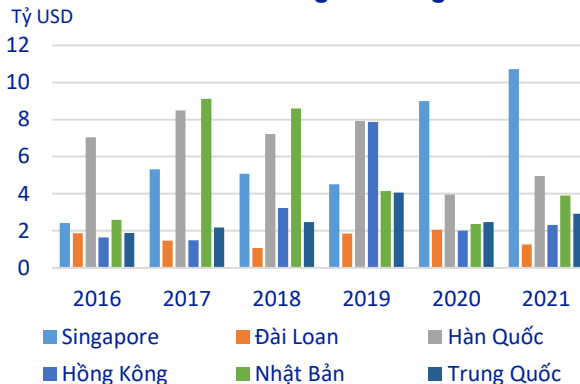
FDI giải ngân tăng mạnh nhẹ trong cuối cùng của năm

FDI theo ngành trong 12 tháng



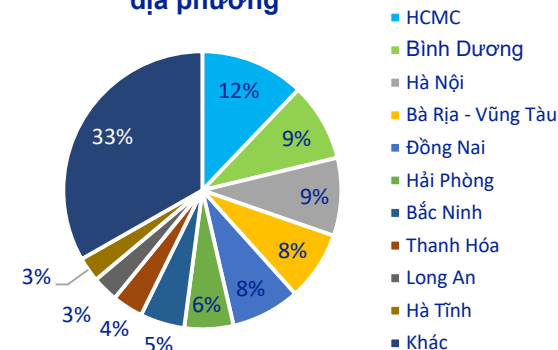
Nguồn: MPI, ACBS

Các đối tác FDI lớn trong 12 tháng



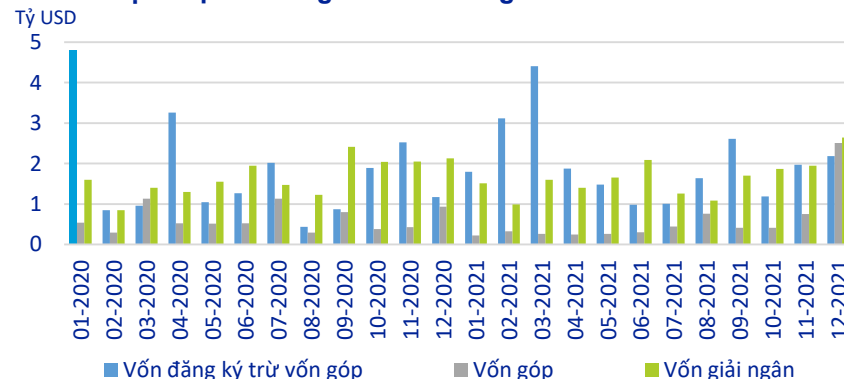
Nguồn: MPI, ACBS

FDI lũy kế đến tháng 12/2021 theo địa phương



- ❖ Trong tháng 12, vốn giải ngân đạt 2,64 tỷ USD, tăng 35,4% m/m. Trong năm 2021, dòng vốn FDI giảm nhẹ 1,2% xuống còn 19,7 tỷ USD trong khi vốn FDI cam kết tăng 9,2% lên 31,15 tỷ USD; trong đó, vốn góp chỉ giảm 7,7%. Số dự án đăng ký cấp mới giảm xuống còn 1.738 (-31%), 985 dự án đăng ký tăng vốn (-14%), 3.797 giao dịch góp vốn (-38%)
- ❖ Lĩnh vực sản xuất và chế biến giữ vai trò chủ đạo, chiếm 58% tổng vốn FDI cam kết. Ngành Tiện ích tăng mạnh với hàng loạt dự án điện. Đối tác lớn nhất trong năm 2021 là Singapore. Mặc dù đứng thứ 2 về số vốn đăng ký nhưng xét về số lượng dự án thì Hàn Quốc lại dẫn đầu.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo tháng

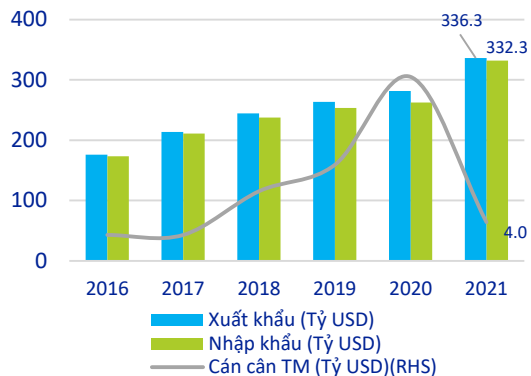


Nguồn: MPI, ACBS

Các dự án FDI trọng điểm trong năm 2021

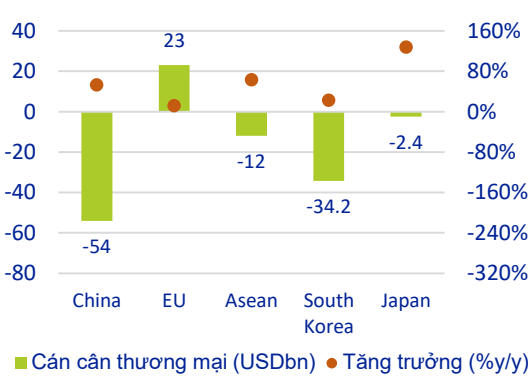
STT	Dự án	Lĩnh vực	Địa điểm	Đối tác	Vốn đăng ký (USDbn)	Ngày cấp GCN
1	Dự án Nhà máy điện LNG Long An I và II	Truyền tải và phân phối điện, sản xuất điện	Long An	Singapore	3.10	03/2021
2	Dự án LG Display Hải Phòng	Sản xuất màn hình OLED và LCD của tập đoàn LG	Hải Phòng	Korea	2.15	08/2021 02/2021 (Giấy phép sửa đổi)
3	Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn II	Xây dựng một nhà máy nhiệt điện nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp điện cho lưới điện khu vực và hệ thống điện quốc gia	Cần Thơ	Nhật Bản	1.31	01/2021
4	Dự án nhà máy sản xuất giấy Kraft Vina	Sản xuất giấy kraft, giấy lót và giấy bao bì	Vĩnh Phúc	Nhật Bản	0.61	07/2021
5	Dự án Nhà máy Công ty TNHH Polytex Far Eastern Việt Nam	Dệt may và sản xuất sợi hóa học	Bình Dương	Đài Loan	0.61	05/2021 (Giấy phép sửa đổi)
6	Dự án công nghệ pin mặt trời Jinko Solar PV Việt Nam	Sản xuất tấm pin mặt trời và thiết bị điện	Quảng Ninh	Hồng Kông	0.50	05/2021
7	Dự án nhà máy sản xuất lốp xe Radian	Sản xuất lốp xe tải và xe buýt (TBR)	Tây Ninh	Trung Quốc	0.31	01/2021 (Giấy phép sửa đổi)
8	Nhà máy công nghệ Fukang	Sản xuất và chế tạo máy tính bảng, máy tính xách tay	Bắc Giang	Singapore	0.29	01/2021

Xuất nhập khẩu trong 12 tháng



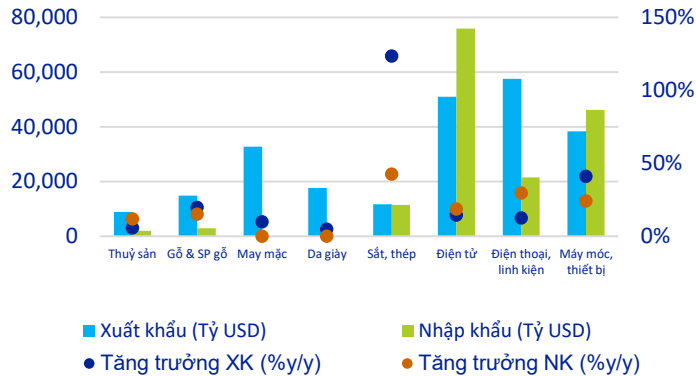
Nguồn: GSO, ACBS

Các thị trường chính năm 2021



Nguồn: GSO, ACBS

Các mặt hàng chính trong năm 2021



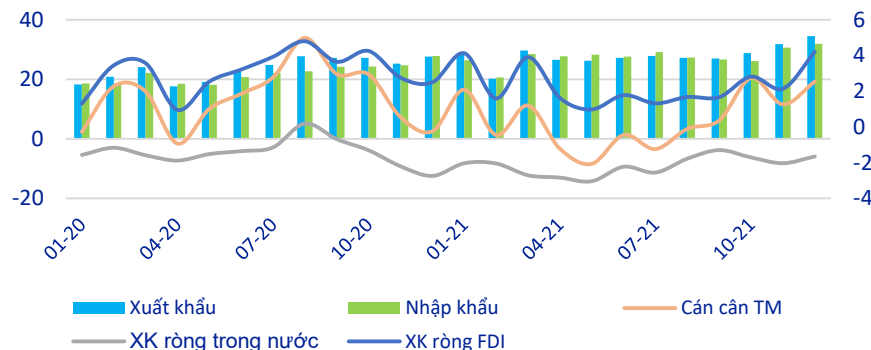
Nguồn: GSO, ACBS

❖ Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tháng 12 đạt 66,5 tỷ USD (+6,4% m/m, +24,8% y/y) và xuất siêu 2,5 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu đạt 34,5 tỷ USD (+8,3% m/m, +4,5% y/y), nhập khẩu tăng chậm hơn với ước tính đạt 32 tỷ USD (+4,5% m/m, +14,6% y/y). Trung Quốc, thị trường nhập khẩu lớn nhất đã ban hành nhiều hạn chế đối với Việt Nam trong bối cảnh đại dịch COVID-19 đang lan nhanh tại nước này và vẫn duy trì chiến lược zero-COVID-19 của mình.

❖ Trong năm 2021, nước này ghi nhận thặng dư thương mại ở mức 4 tỷ USD. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp chính vào xuất khẩu của Việt Nam với mức thặng dư 29,4 tỷ USD, khu vực trong nước nhập siêu 25,4 tỷ USD.

❖ Với kỳ lịch sử mới về tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, Việt Nam đã góp mặt trong nhóm 20 nền kinh tế dẫn đầu về thương mại quốc tế. Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) dự kiến có hiệu lực từ đầu năm 2022 được kỳ vọng sẽ thúc đẩy xuất khẩu sang các đối tác.

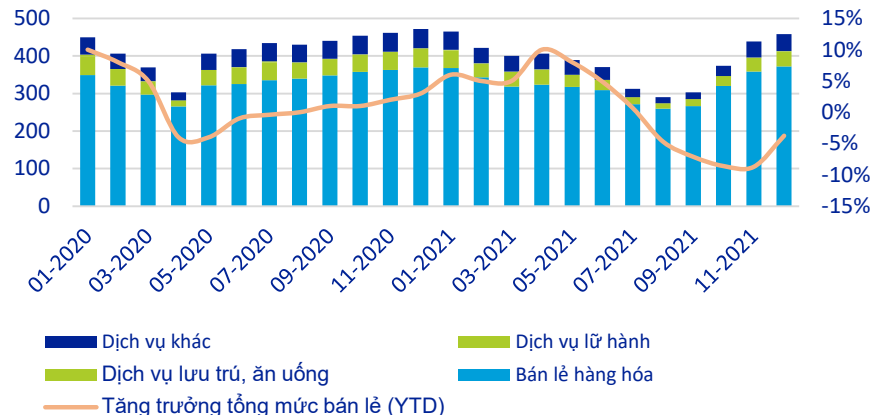
Xuất nhập khẩu hàng hóa theo tháng (USDbn)



Nguồn: GSO, ACBS

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ theo tháng

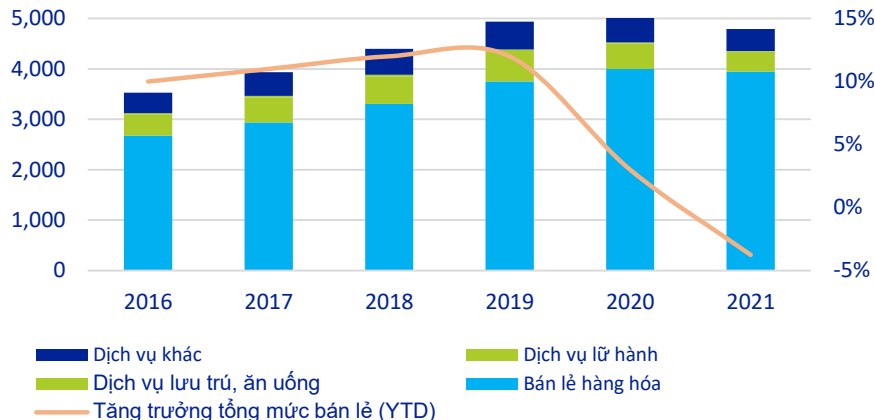
Nghìn tỷ đồng



Nguồn: GSO, ACBS

Tổng mức bán lẻ qua các năm

Nghìn tỷ đồng

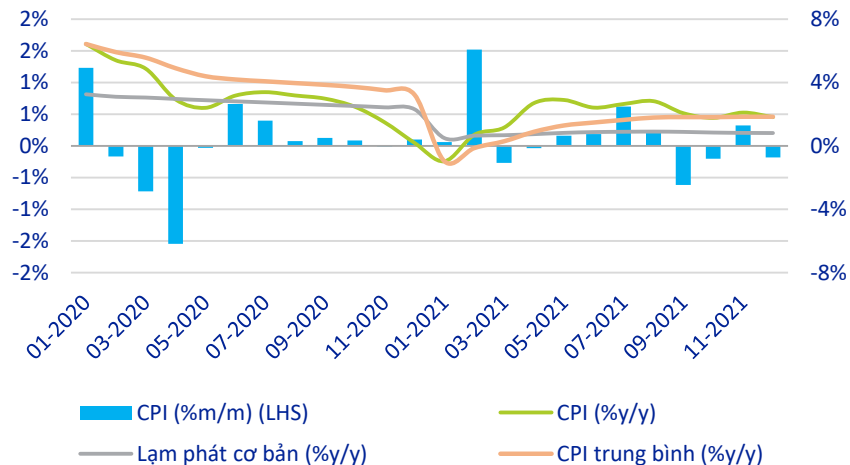


Nguồn: GSO, ACBS

- ❖ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 12 tăng lên 458 nghìn tỷ đồng (tăng 4,6% so với tháng trước, tăng 1,1%). Đây là tháng đầu tiên doanh số bán lẻ ghi nhận mức tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ năm ngoái sau bảy tháng liên tiếp giảm so với năm trước do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19 và các phương pháp phong tỏa nghiêm ngặt. Trong đó, doanh thu hàng hóa tăng 3,7%, dịch vụ lưu trú và ăn uống thu hẹp đã giảm 10%, dịch vụ du lịch giảm 34,7% và dịch vụ khác giảm 7,2%.
- ❖ Năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 4.789 nghìn tỷ đồng (giảm 3,8%). Tuy nhiên, tính riêng hàng hóa bán lẻ, lĩnh vực này đạt mức tăng trưởng 0,2% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt kỷ lục bán hàng mới mặc dù đã áp dụng biện pháp giãn cách xã hội nghiêm ngặt để chống lại đại dịch cùng với khó khăn của thị trường lao động và hoạt động của doanh nghiệp, một phần do giá hàng hóa và chi phí vận chuyển cao.
- ❖ Với chiến lược sống mới chung với COVID-19, việc tiếp tục triển khai kế hoạch mở cửa trở lại được kỳ vọng sẽ thúc đẩy thị trường bán lẻ trong bối cảnh mùa mua sắm cuối năm sẽ thúc đẩy lĩnh vực du lịch và sức mua sẽ phục hồi trong tháng tới.

CPI vẫn duy trì dưới mức mục tiêu 4% của chính phủ

Chỉ số CPI



Nguồn: GSO, ACBS

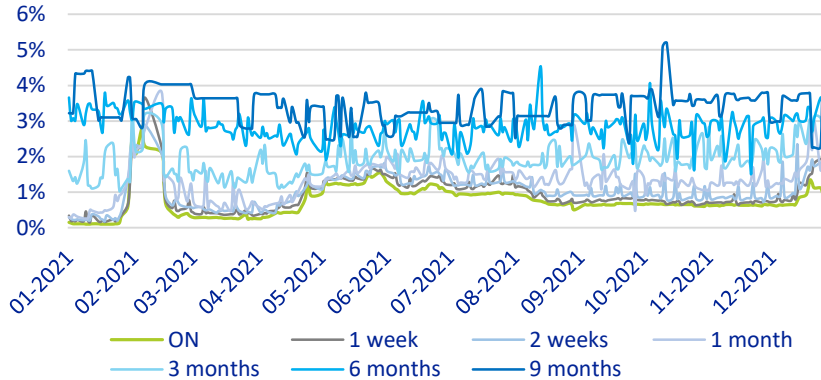
Giỏ hàng hóa tiêu dùng	Tỷ trọng (%)	12/2021 (% m/m)	12/2021 (% y/y)	Trung bình 12M2021 (% y/y)
CPI chung	100.0	-0.18%	1.81%	1.84%
Hàng ăn & dịch vụ ăn uống	33.6	0.17%	0.51%	0.72%
Lương thực	3.7	0.36%	3.86%	5.00%
Thực phẩm	21.3	0.15%	-0.81%	-0.54%
Ăn uống ngoài gia đình	8.6	0.16%	2.38%	2.09%
Đồ uống & thuốc lá	2.7	0.20%	2.50%	1.85%
May mặc, mũ nón & giày dép	5.7	0.22%	1.07%	0.88%
Nhà ở & vật liệu xây dựng	18.8	-0.45%	1.04%	1.76%
Thiết bị & đồ dùng gia đình	6.7	0.17%	1.12%	0.66%
Thuốc & dịch vụ y tế	5.4	0.02%	0.24%	0.20%
Giao thông	9.7	-1.71%	15.81%	10.52%
Bưu chính viễn thông	3.1	-0.01%	-0.72%	-0.75%
Giáo dục	6.2	-0.43%	-3.49%	1.85%
Văn hoá, giải trí & du lịch	4.6	0.05%	-0.20%	-0.91%
Đồ dùng & dịch vụ khác	3.5	0.14%	1.42%	1.50%

Màu xanh: tăng so với kỳ tương ứng trước đó

Màu đỏ: giảm so với kỳ tương ứng trước đó

- ❖ Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 giảm nhẹ 0,18% so với tháng trước chủ yếu do giá xăng dầu đi xuống từ ngày 10/12 và giá giao thông giảm 1,71% so với tháng trước. Bên cạnh đó, CPI lõi tiếp tục tăng 0,16% m/m trong tháng thứ 2 liên tiếp sau 4 tháng giảm do phong tỏa vì Covid-19. Cho cả năm 2021, chỉ số CPI tăng 1,84% so với cùng kỳ, vẫn nằm dưới mức tiêu 4% trong kế hoạch của chính phủ và ghi nhận mức tăng thấp nhất trong 5 năm gần đây. CPI cơ bản năm 2021 tăng 0,81% so với cùng kỳ.
- ❖ So với các nước, chỉ số CPI của Việt Nam vẫn ở mức thấp khi một số nước ASEAN như Thái Lan, Philippine, Hàn Quốc có mức tăng CPI từ 2% đến 3%. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của chính phủ cho năm 2022 đặt mức tăng CPI vào khoảng 4%. Nếu gói phục hồi được thông qua, nó sẽ gây áp lực lên lạm phát sau khi một lượng tiền được bơm vào nền kinh tế. Tuy nhiên, tăng trưởng CPI năm 2021 vẫn thấp so với các quốc gia khác và thấp hơn mục tiêu của chính phủ, do đó, vẫn còn dư địa an toàn cho việc tăng CPI khi gói kích thích được triển khai.

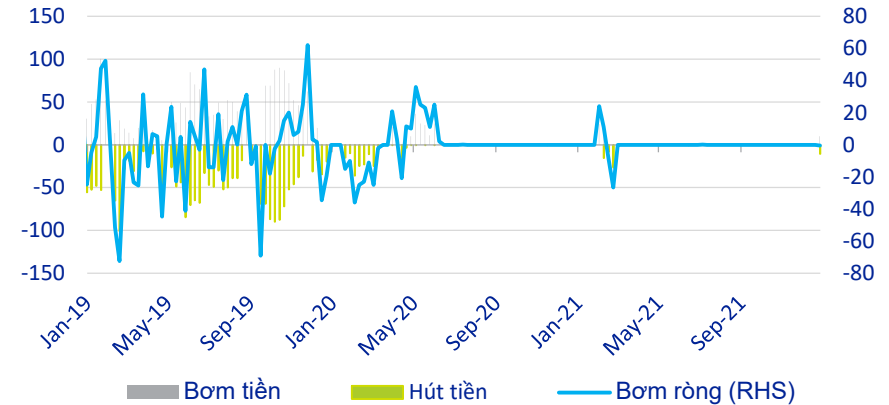
Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: FiinPro, ACBS

- ❖ Lãi suất liên ngân hàng tăng nhẹ trong suốt T12/2021 (ngoài trừ 9 tháng) khi thanh khoản hệ thống ngân hàng suy giảm vào những ngày cuối năm khi chúng ta có rất nhiều kỳ nghỉ lễ mà mọi người cần chi tiêu và sử dụng nhiều tiền mặt.
- ❖ Chúng tôi dự kiến lãi suất liên ngân hàng sẽ tăng nhẹ đặc biệt trong Q1/2022 do khi mà thanh khoản hệ thống ngân hàng có thể thu hẹp trong T1/2022 và T2/2022 do chúng ta có rất nhiều kỳ nghỉ đặc biệt là dịp Tết Nguyên đán, mọi người có thể phải sử dụng nhiều tiền mặt và chi tiêu cho nhiều hoạt động vui chơi và giải trí.
- ❖ Nhưng chúng tôi cũng dự kiến là thanh khoản hệ thống trở lại ổn định trong Q2/2021 và NHNN cũng giúp bình ổn thanh khoản trong ngắn hạn bằng các công cụ reverse Repo OMO (như vào tuần cuối của T12/2021, NHNN đã bơm hơn 10,5 nghìn tỷ đồng, nhằm hỗ trợ thanh khoản hệ thống ngân hàng trong ngắn hạn) khi cần thiết nhằm tránh lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh bất ngờ.

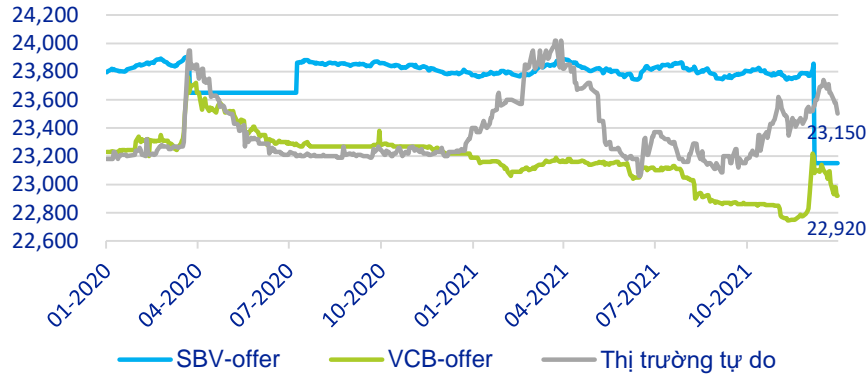
Bơm ròng/ (Hút ròng) trên thị trường OMO (Tỷ VND)



Lãi suất liên ngân hàng

	ON	1 Tuần	2 Tuần	1 Tháng	3 Tháng	6 Tháng	9 Tháng
Trung bình tháng 11/2021	0.81%	1.18%	1.44%	1.78%	2.54%	3.08%	3.34%
+/- MoM (bps)	18	46	55	49	48	31	-25

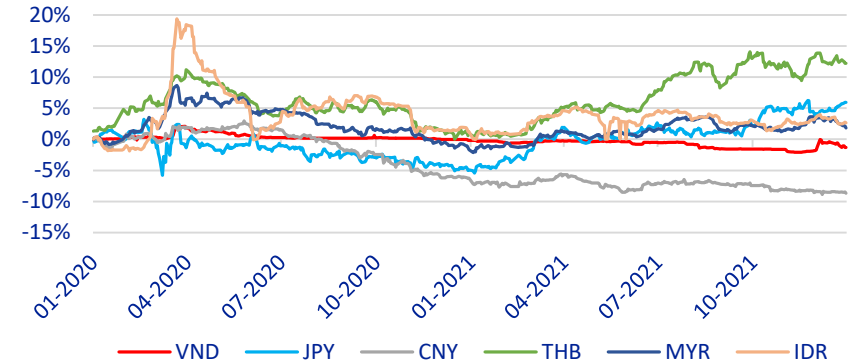
Tỷ giá USD/VND



Nguồn: Fiin Pro, ACBS

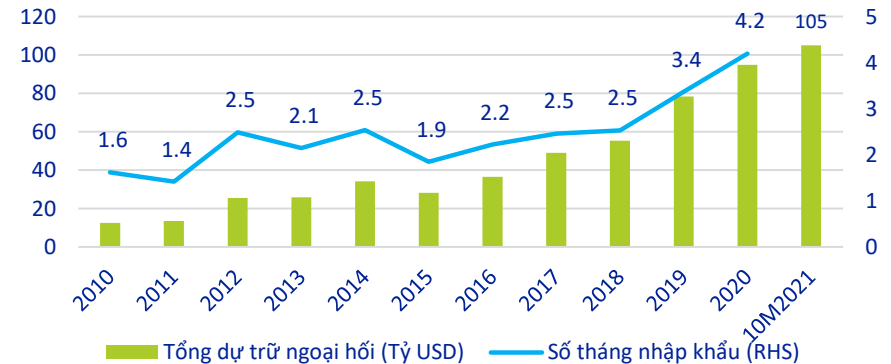
- Tỷ giá USD/VND tại các NHTM và trên thị trường liên ngân hàng tăng vọt lên mức cao nhất 23.220 điểm trong tuần đầu tiên của tháng 12 trước khi đảo chiều giảm do nhu cầu tăng đột biến. NHNN đã điều hành tỷ giá nhưng không can thiệp vào thị trường tiền tệ bằng cách giảm tỷ giá niêm yết tại NHNN xuống 23.150 đồng vào ngày 8/12, giảm mạnh 706 đồng so với ngày hôm trước thể hiện thông điệp sẵn sàng hỗ trợ các ngân hàng về thanh khoản. Tỷ giá USD/VND tại các NHTM quay đầu giảm sau 1 tuần tăng nóng quá mức và kết thúc năm ở mức 22.920, tỷ giá USD/VND giảm 1,16% so với năm ngoái.
- Việc tỷ giá USD/VND biến động mạnh trong tháng cuối năm 2021 không gây lo ngại vì thị trường tiền tệ thường có nhiều biến động vào mùa cuối năm. Tuy nhiên, lãi suất sẽ có áp lực tăng vào năm 2022 do quyết định lãi suất của Fed vào năm 2022 sẽ ảnh hưởng đến đầu tư toàn cầu.

Tỷ giá USD/VND và các đồng tiền trong khu vực



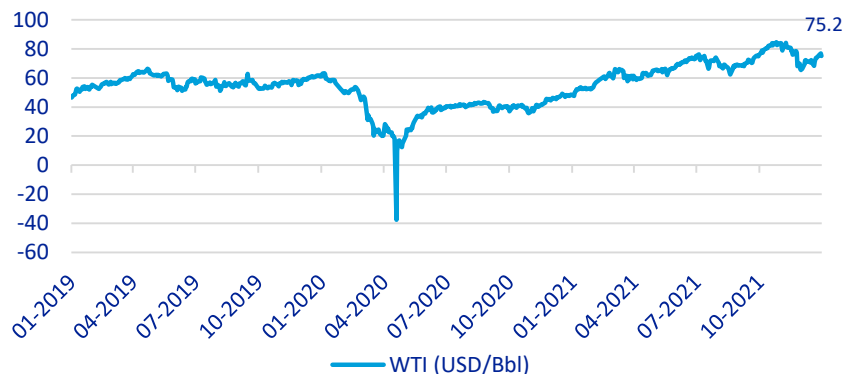
Nguồn: Bloomberg, ACBS. Ghi chú: Chênh lệch so với ngày 31/12/2019

Dự trữ ngoại hối của Việt Nam



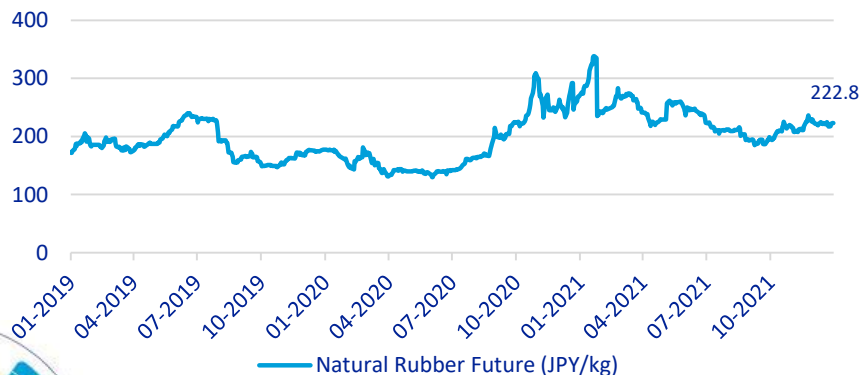
Nguồn: WB, ADB, ACBS

Dầu thô WTI



Nguồn: Bloomberg, ACBS

Cao su tự nhiên

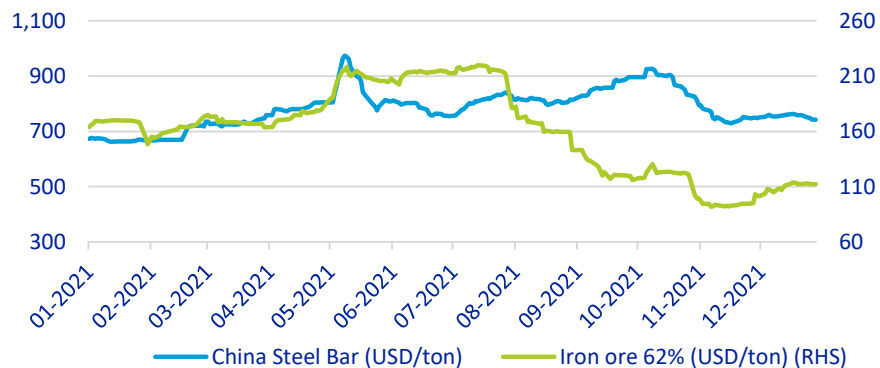


Nguồn: Bloomberg, ACBS

❖ Giá dầu thô kết thúc năm 2021 tiếp tục đi lên nhờ tâm lý tích cực của các nhà đầu tư. Biến thể mới đang lan rộng trên toàn thế giới nhưng nhiều quốc gia trên toàn cầu đã không áp dụng các biện pháp phong tỏa chặt chẽ và đang duy trì chiến lược sống chung với Covid-19. Nhu cầu dự kiến sẽ tăng khi nguồn cung chịu áp lực do gián đoạn sản xuất ở Libya do bảo trì đường ống và đóng cửa mỏ dầu, chúng tôi tin rằng những yếu tố này chỉ là tạm thời và sản lượng dầu sẽ ổn định trong những tháng tới. Ngoài ra, áp lực lạm phát và sự suy yếu của đồng peso sẽ làm tăng chi phí hoạt động của các công ty năng lượng hoạt động ở Columbia trong bối cảnh COVID-19 lan rộng, các đợt phong tỏa và sự xuất hiện của biến thể Omicron. Hơn nữa, các nhà hoạch định chính sách của FED có thể tăng lãi suất nhanh hơn dự báo và gây áp lực lên các tài sản rủi ro như dầu.

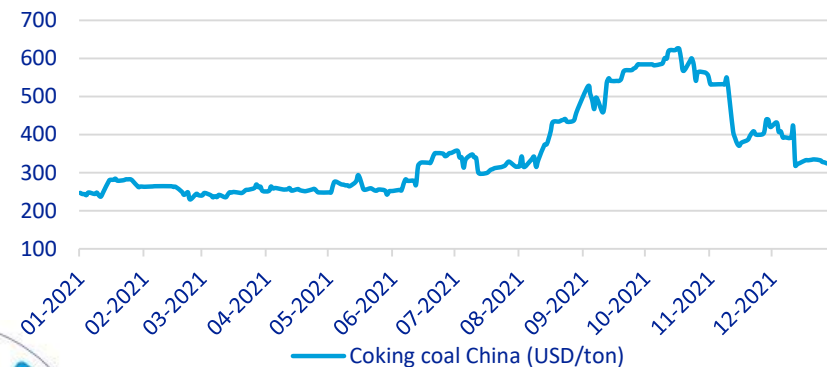
❖ Giá cao su tự nhiên kỳ hạn trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo kết thúc năm 2021 ở mức 222,8 JPY, giảm 1,4% m/m trong tháng 12. Hiện tại, nguồn cung cao su thiên nhiên như Thái Lan, Indonesia... vẫn bị ảnh hưởng bởi COVID-19, dẫn đến thiếu hụt nguồn cung cao su thiên nhiên. Nhu cầu lốp xe tại các thị trường nhập khẩu chính như EU, Trung Quốc, Mỹ và Ấn Độ dự kiến sẽ tăng nhờ kinh tế phục hồi, đặc biệt là nhu cầu ô tô tăng cao trong cuộc khủng hoảng COVID-19. Bên cạnh đó, cuộc khủng hoảng thiếu chip ô tô đã có dấu hiệu hạ nhiệt với lượng hàng tồn kho được cải thiện.

Giá thép thanh và quặng sắt



Nguồn: Bloomberg, ACBS

Than luyện cốc



Nguồn: Bloomberg, ACBS

- ❖ Giá thép thanh tại sàn giao dịch Thượng Hải không thể phục hồi mạnh do nhu cầu giảm ảnh hưởng bởi khủng hoảng thị trường bất động sản Trung Quốc, các dự án xây dựng mới đã ngừng xin giấy phép xây dựng và các biện pháp hạn chế chống Covid-19 đang được thắt chặt ở các thành phố của Trung Quốc.
- ❖ Giá quặng sắt phục hồi trong tháng 12 trong bối cảnh chính quyền Trung Quốc áp dụng các biện pháp thắt chặt sản xuất nghiêm ngặt và sẽ kéo dài đến tháng 3 năm 2022. Các nhà máy thép lớn có lò cao hoặc lò điện hồ quang được cho là đã đóng cửa hoặc ngừng sản xuất thép. Ngoài ra, hàng loạt thông tin xấu về mặt vĩ mô cũng như biến thể mới Omicron cũng đã làm lung lay tâm lý của các nhà đầu tư.
- ❖ Giá than luyện cốc tiếp tục xu hướng giảm do áp lực giảm giá điện và sự can thiệp của chính phủ Trung Quốc vào thị trường nhằm đáp ứng mục tiêu môi trường. Trong khi đó, việc tiếp tục hạn chế nhập khẩu than từ Australia và tình hình đại dịch bất ổn ở Mông Cổ đã khiến nguồn cung than luyện kim không ổn định.

Các chỉ số vĩ mô chính

Kinh tế vĩ mô

Thị trường vốn

Chủ đề thời sự

Tóm tắt ngành

Chỉ số hàng tháng	01-2021	02-2021	03-2021	04-2021	05-2021	06-2021	07-2021	08-2021	09-2021	10-2021	11-2021	12-2021
Sản xuất công nghiệp (% y/y)	22.5%	-8.3%	3.6%	22.2%	11.8%	4.9%	-0.3%	-7.8%	-7.6%	-1.8%	8.2%	8.7%
Khai khoáng	2.0%	-12.4%	-8.3%	-0.7%	-5.9%	-4.9%	-10.9%	-2.8%	-13.0%	-8.2%	6.2%	-7.1%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	27.2%	-7.8%	5.3%	26.4%	14.4%	6.0%	0.7%	-9.3%	-6.5%	-0.8%	8.6%	10.9%
Sản xuất & phân phối điện	11.0%	-10.0%	3.5%	19.8%	12.7%	6.2%	1.7%	-1.9%	-11.7%	-4.8%	6.8%	9.1%
Cung cấp nước & xử lý chất thải	9.6%	3.7%	5.8%	11.8%	4.1%	-0.1%	1.0%	-0.1%	-1.9%	-0.5%	0.4%	0.8%
PMI	51.3	51.6	53.6	54.7	53.1	44.1	45.1	40.2	40.2	52.1	52.2	-
Bán lẻ trong nước (% y/y)	6.4%	8.2%	9.2%	30.9%	-1.0%	-6.6%	-19.8%	-33.7%	-28.4%	-19.5%	-12.2%	1.1%
CPI (% m/m)	0.1%	1.5%	-0.3%	0.0%	0.2%	0.2%	0.6%	0.2%	-0.6%	-0.2%	0.3%	-0.2%
CPI (% y/y)	-1.0%	0.7%	1.2%	2.7%	2.9%	2.4%	2.6%	2.8%	2.1%	1.8%	2.1%	1.8%
Kim ngạch xuất khẩu (USDm)	28,546	20,196	29,654	26,550	26,193	27,204	27,865	27,228	27,026	28,870	31,870	34,517
Kim ngạch nhập khẩu (USDm)	26,459	20,656	28,457	27,775	28,267	27,659	29,112	27,338	26,666	26,130	30,610	31,975
Cán cân thương mại (USDm)	2,086	-460	1,197	-1,225	-2,074	-455	-1,247	-110	360	2,740	1,260	2,542
FDI giải ngân (USDm)	1,510	990	1,600	1,400	1,650	2,090	1,260	1,080	1,700	1,870	1,950	2,640
FDI đăng ký trừ vốn góp (USDm)	1,796	3,119	4,410	1,879	1,483	978	1,007	1,638	2,614	1,184	1,971	2,181

Các chỉ số vĩ mô chính

[Kinh tế vĩ mô](#)
[Thị trường vốn](#)
[Chủ đề thời sự](#)
[Tóm tắt ngành](#)

Chỉ số hàng năm	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
GDP	5.2%	5.4%	6.0%	6.7%	6.2%	6.8%	7.1%	7.0%	2.9%	2.6%
Sản xuất công nghiệp	4.8%	5.9%	7.6%	9.8%	7.5%	9.4%	10.2%	9.1%	3.4%	4.8%
Bán lẻ trong nước	16.0%	12.6%	10.6%	9.5%	10.2%	10.9%	11.7%	11.8%	2.6%	-3.8%
Chỉ số giá tiêu dùng	9.2%	6.6%	4.1%	0.6%	2.7%	3.5%	3.5%	2.8%	3.2%	1.8%
Kim ngạch xuất khẩu (USDbn)	114.53	132.03	150.22	162.02	176.58	215.12	243.70	264.34	282.53	336.25
Kim ngạch nhập khẩu (USDbn)	113.78	132.03	147.85	165.78	174.98	213.22	236.87	254.09	262.67	332.25
Cán cân thương mại (USDbn)	0.75	0.00	2.37	-3.76	1.60	1.90	6.83	10.25	19.86	4.00
FDI giải ngân (USDbn)	10.46	11.50	12.35	14.50	15.80	17.50	19.10	20.38	19.98	19.74
FDI đăng ký (USDbn)	7.85	21.63	20.23	22.76	20.95	29.97	25.57	22.55	21.06	24.26

Chỉ số hàng quý	4Q-2019	1Q-2020	2Q-2020	3Q-2020	4Q-2020	1Q-2021	2Q-2021	3Q-2021	4Q-2021
GDP (% y/y)	7.0%	3.7%	0.4%	2.7%	4.5%	4.7%	6.7%	-6.0%	5.2%
Nông - lâm - ngư nghiệp	1.6%	0.0%	1.8%	2.8%	4.7%	3.5%	4.0%	1.2%	3.2%
Công nghiệp & Xây dựng	7.9%	5.0%	1.7%	3.2%	5.6%	6.3%	10.4%	-5.5%	5.6%
Dịch vụ	8.1%	3.3%	-1.9%	2.8%	4.3%	3.6%	4.2%	-8.6%	5.4%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% y/y)	7.4%	5.6%	0.2%	2.0%	6.3%	5.7%	12.4%	-5.0%	6.4%
Bán lẻ trong nước (% y/y)	12.5%	3.2%	-5.5%	4.4%	8.0%	4.6%	4.1%	-28.3%	0.0%
Kim ngạch xuất khẩu (USDbn)	69.59	63.31	59.33	79.74	80.15	78.40	78.23	82.15	95.62
Kim ngạch nhập khẩu (USDbn)	66.01	59.33	57.41	69.02	76.92	75.61	82.50	83.86	89.07
Cán cân thương mại (USDbn)	3.57	3.98	1.92	10.72	3.23	2.79	-4.27	-1.70	6.55
FDI giải ngân (USDbn)	6.16	3.85	4.80	5.11	6.22	4.10	5.14	4.04	6.46
FDI đăng ký (USDbn)	6.78	6.60	5.56	3.32	5.58	9.33	4.34	5.26	5.34

Các chỉ số vĩ mô chính của các nước trên thế giới

Kinh tế vĩ mô

Thị trường vốn

Chủ đề thời sự

Tóm tắt ngành

Quốc gia	Tăng trưởng GDP		Lạm phát			PMI sản xuất		
	3Q-2021	4Q-2021	10-2021	11-2021	12-2021	10-2021	11-2021	12-2021
Indonesia	3.5%		1.7%	1.8%	1.9%	57.2	53.9	53.5
Malaysia	-4.5%		2.9%	3.3%		52.2	52.3	52.8
Phillipines	7.1%		4.6%	4.2%	3.6%	51.0	51.7	51.8
Singapore	6.5%	5.9%	3.2%	3.8%				
Thái Lan	-0.3%		2.4%	2.7%	2.2%	50.9	50.6	49.5
Việt Nam	-6.0%	5.2%	1.8%	2.1%	1.8%	52.1	52.2	52.5
Trung Quốc	4.9%		1.5%	2.3%		50.6	49.9	50.9
Hồng Kông	5.4%		1.7%	1.8%				
Đài Loan	3.8%		2.6%	2.8%	2.6%	55.2	54.9	55.5
Nhật Bản	1.4%		0.1%	0.6%		53.2	54.5	54.3
Nam Hàn	4.0%		3.2%	3.8%	3.7%	50.2	50.9	51.9
Ấn Độ	8.4%		4.5%	4.9%		55.9	57.6	55.5
Hoa Kỳ	4.9%		6.2%	6.8%		58.4	58.3	57.7

- ❖ Thặng dư thương mại tăng nhanh trong những tháng cuối năm đạt mức thặng dư 4 tỷ USD cho cả năm và cam kết đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng cho thấy sự lạc quan đối với nền kinh tế Việt Nam trong năm 2022. Chúng tôi kỳ vọng gói phục hồi rất có thể sẽ được thông qua trong nửa đầu năm 2022 sẽ là động lực đáng kể để phục hồi nền kinh tế.
- ❖ Khu vực tư nhân đã phải gánh chịu những tác động tiêu cực từ các chính sách chống lại đại dịch. Chiến lược COVID-19 mới kết hợp với gói phục hồi sẽ được kỳ vọng sẽ vực dậy các doanh nghiệp khó khăn và tạo ra các nhà đầu tư mới đầu tư vào các lĩnh vực tiềm năng.
- ❖ Mối lo lạm phát ở Việt Nam và các nước trong thời điểm hiện nay vẫn còn tồn tại khi giá dầu thô tăng có thể ảnh hưởng đến giá vốn hàng hóa, dịch vụ đầu vào và một lượng tiền lớn sẽ được bơm vào nền kinh tế từ gói phục hồi. Tuy nhiên, tốc độ tăng CPI năm 2021 vẫn thấp hơn các nước và thấp hơn mục tiêu của Chính phủ, do đó vẫn còn dư địa an toàn cho việc tăng CPI khi các gói kích cầu được triển khai, và chỉ số CPI của Việt Nam dự kiến vẫn dưới mục tiêu của Chính phủ là 4% cho năm 2022.
- ❖ Các vấn đề quan trọng nhất ảnh hưởng đến thị trường là sự lan rộng của biến thể mới Omicron ở EU, Mỹ và một số nước châu Á khi Việt Nam có kế hoạch nối lại các chuyến bay quốc tế. Tuy nhiên, vẫn chưa có bằng chứng rõ ràng về việc liệu nó có gây ra các triệu chứng tồi tệ hơn và làm tăng nhu cầu điều trị tại bệnh viện hay không. Vì vậy, theo chúng tôi, chúng tôi lo ngại hơn về việc áp dụng trở lại các biện pháp giãn cách xã hội nghiêm ngặt có thể làm chậm quá trình tái khởi động và phục hồi các hoạt động kinh tế, hơn là làm chậm tốc độ tăng trưởng của các hoạt động kinh tế trong tương lai.

CÁC DỰ BÁO CHỌN LỌC VỀ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA VIỆT NAM

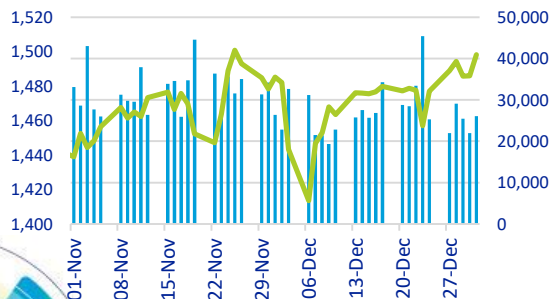
Tổ chức	Dự báo cho năm 2022	Dự báo cho năm 2021
Ngân hàng Thế giới	6.5% - 7.0% (09/2021)	2.0% - 2.5% (10/2021)
Tổ chức Tiền tệ Quốc tế	7.2% (04/2021)	3.78% (10/2021)
Ngân hàng Phát triển Châu Á	6.5% (09/2021)	3.8% (09/2021)
Ngân hàng Standard Chartered	7.0% (09/2021)	4.7% (09/2021)

Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022 của Chính phủ

GDP	6.0% - 6.5%
GDP đầu người	USD 3,900
CPI	4%

Tổng quan thị trường chứng khoán trong tháng 12

Thông kê thị trường	Tháng 12/2021			
Mã Bloomberg	VNIndex			
Khoảng dao động (pts)	1,413.6 – 1,498.3			
Chỉ số cuối tháng (pts)	1,498.3			
Vốn hóa thị trường (VNDbn)	5,870,037			
Vốn hóa thị trường (USDbn)	256.1			
Giá trị giao dịch TB (VNDbn)	27,147			
Số mã tăng	188			
Số mã giảm	223			
Nước ngoài mua ròng (USDbn)	-126.5			
Tỷ lệ tham gia NĐT nước ngoài	5.0%			
Tăng trưởng (%)	1M	3M	6M	12M
VNIndex	1.3	11.6	6.4	35.7
VN30	-0.9	4.8	-0.4	42.3



Với việc chỉ số kết thúc năm là 1.498 điểm, VNIndex đã tăng 35,7% vào năm 2021 và lọt vào danh sách 10 thị trường chứng khoán tăng điểm hàng đầu thế giới. Bất chấp dòng vốn bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài, chỉ số VNIndex đã bật tăng trở lại và tiến sát mốc 1.500 điểm trong phiên cuối năm. Chỉ số đóng cửa năm 2021 ở mức P/E là 17,5, thấp hơn 11,4% so với mức trung bình 19,5 của thị trường ASEAN. Trong khi đó, chỉ số VN30 giảm 0,9% so với tháng trước nhưng ghi nhận mức tăng trưởng 42,3% so với năm ngoái. Cả nhà đầu tư nước ngoài và khối tự doanh của các công ty chứng khoán đều giảm lượng bán ròng của họ trong tháng. Thị trường có những phiên giảm sâu trước thông tin Omicron biến thể mới xuất hiện tại Việt Nam, tuy nhiên tâm lý thị trường nhanh chóng trở lại bình thường sau khi các ca bệnh mới đã được kiểm soát.

Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX) chính thức đi vào hoạt động từ ngày 11/12 trên cơ sở sắp xếp lại hai sở giao dịch chứng khoán trong nước. Là công ty do Nhà nước sở hữu hoàn toàn, VNX có vốn điều lệ 3 nghìn tỷ đồng (130 triệu USD) và có trụ sở chính tại Hà Nội, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của thị trường chứng khoán trong nước

MSN là cổ phiếu đóng góp lớn nhất trong VNIndex với mức tăng 14,8% trong tháng khi chào đón CFO mới của tập đoàn sẽ lãnh đạo tổ chức tài chính và thông tin đợt phát hành lần đầu ra công chúng quốc tế của công ty bán lẻ tiêu dùng The CrownX vào năm 2023-2024 sau khi huy động thêm 350 triệu đô la Mỹ từ một nhóm các nhà đầu tư. Cổ phiếu có giao dịch kém nhất của VNIndex là VIC với việc mất 9,4% sau khi tăng mạnh vào tháng trước, trong một câu chuyện khác, VinFast đã giao những chiếc xe điện Việt Nam đầu tiên cho khách hàng trong nước vào ngày 15/12 và bổ nhiệm CEO mới từ ngày 27/12. Tại thị trường bán lẻ, nhà bán lẻ Central Retail đến từ Thái Lan đã thành lập địa điểm mới nhất tại Việt Nam tại tỉnh Thái Bình, đi theo lộ trình mở rộng đã đặt ra trong 5 năm tới dẫn đến sự cạnh tranh đầy thách thức trong ngành này sau đại dịch. EVF thành viên mới của EVN Finance được chấp thuận niêm yết trên HOSE vào ngày 21/12 sẽ là lựa chọn mới cho nhà đầu tư vào đầu năm 2022 với 304 triệu cổ phiếu đang được giao dịch trên Upcom.

Những ngành tăng mạnh nhất/ thấp nhất trong tháng

5 ngành tăng mạnh nhất	GTGD TB ngày (%m/m)	Tăng trưởng trong tháng
Truyền thông & giải trí	10.9%	27.0%
Dịch vụ viễn thông	45.0%	16.7%
Tư liệu sản xuất	5.6%	13.6%
F&B	-0.3%	5.6%
Vận tải	-18.2%	4.0%
5 ngành tăng thấp nhất	GTGD TB ngày (%m/m)	Tăng trưởng trong tháng
Thiết bị & dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-18.4%	-11.6%
Bảo hiểm	-43.8%	-6.8%
Thương mại & dịch vụ chuyên nghiệp	-69.3%	-6.4%
Phần mềm	-34.4%	-4.1%
Ô tô & phụ tùng	-61.1%	-4.0%

Những ngành tăng mạnh nhất/ thấp nhất trong 11 tháng

5 ngành tăng mạnh nhất	GTGD TB ngày (%m/m)	Tăng trưởng từ đầu năm
Dịch vụ viễn thông	45.0%	432.7%
Dịch vụ tài chính đa dạng	-27.8%	201.8%
Phần cứng & thiết bị công nghệ	-45.5%	190.8%
Tư liệu sản xuất	5.6%	153.1%
Phần mềm	-34.4%	84.5%
5 ngành tăng thấp nhất	GTGD TB ngày (%m/m)	Tăng trưởng từ đầu năm
Truyền thông & giải trí	10.9%	-26.9%
Hàng gia dụng	-57.6%	-5.2%
Bảo hiểm	-43.8%	4.4%
Năng lượng	-49.4%	20.7%
Dịch vụ tiện ích	15.1%	21.2%

- ❖ Truyền thông & Giải trí bao gồm YEG và ADG đạt tăng trưởng về giá cao nhất trong tháng 12. Các ngành Ngân hàng & Bất động sản giữ xu hướng tăng trong khi bảo hiểm và tài chính đa dạng đảo chiều giảm sau khi đã tăng đáng kể trước đó. Thiết bị & Dịch vụ Chăm sóc Sức khỏe bị đảo ngược do TNH vốn đã tăng mạnh trong những tháng trước trước khi giảm trở lại vào tháng 12.
- ❖ Nhìn chung, nhóm ngành Công nghệ thông tin bao gồm Dịch vụ Viễn thông và Phần cứng & Thiết bị Công nghệ có kết quả giao dịch vượt trội từ đầu năm 2021. Ngành Dịch vụ tài chính đa dạng tăng mạnh cùng với thanh khoản trên thị trường niêm yết tăng mạnh. Truyền thông & giải trí với YEG, Sản phẩm Gia dụng & Cá nhân với LIX là hai lĩnh vực duy nhất có mức tăng trưởng âm trong năm.

Thành phần và định giá HOSE cuối tháng

[Kinh tế vĩ mô](#)
[Thị trường vốn](#)
[Chủ đề thời sự](#)
[Tóm tắt ngành](#)

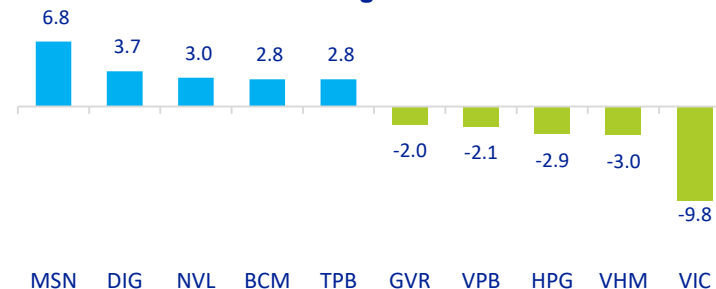
STT	Ngành	Số mã CK	Vốn hóa (VNDtn)	Tỷ trọng	TT 1M	TT YTD	P/E	P/B	ROA	ROE	GTGD TB ngày (%m/m)	NN mua ròng 1M (VNDbn)	NN mua ròng YTD (VNDbn)
1	Ngân hàng	17	1,796.7	29.3%	3.6%	52.2%	14.41	2.47	1.90%	20.00%	-33.7%	-1,021.9	-10,375.7
2	Bất động sản	49	1,347.6	23.2%	1.1%	54.5%	45.62	3.53	7.07%	18.00%	2.0%	1,564.9	-6,394.9
3	F&B	33	615.8	11.0%	5.6%	31.1%	48.51	5.97	9.92%	17.64%	-0.3%	-884.2	-12,247.4
4	Nguyên vật liệu	63	547.1	9.7%	-3.8%	70.4%	31.69	2.72	14.03%	27.67%	-33.9%	-1,586.1	-19,654.4
5	Dịch vụ tiện ích	27	295.1	5.2%	3.8%	21.2%	19.96	2.98	10.51%	15.85%	15.1%	-198.5	-1,854.9
6	Tư liệu sản xuất	77	340.8	5.8%	13.6%	153.1%	39.01	3.24	4.31%	12.46%	5.6%	-415.9	-4,001.2
7	Vận tải	27	203.5	3.6%	4.0%	36.9%	381.65	8.02	0.43%	-58.18%	-18.2%	-546.9	-2,440.4
8	Dịch vụ tài chính đa dạng	16	194.1	3.3%	-3.6%	201.8%	18.20	3.58	9.90%	24.56%	-27.8%	148.3	-6,574.1
9	Bán lẻ	9	112.6	2.0%	3.5%	80.5%	27.41	5.01	8.51%	23.04%	7.8%	-17.6	1,687.6
10	Phần mềm	3	91.7	1.6%	-4.1%	84.5%	21.57	4.78	8.91%	23.82%	-34.4%	3.3	164.1
11	Năng lượng	9	93.4	1.7%	1.3%	20.7%	60.63	2.38	4.75%	12.37%	-49.4%	-44.3	432.8
12	Bảo hiểm	5	55.9	1.0%	-6.8%	4.4%	20.64	1.92	2.00%	10.18%	-43.8%	43.7	-916.4
13	Hàng tiêu dùng lâu bền & trang phục	18	49.7	0.9%	-2.7%	73.0%	19.80	3.17	9.53%	17.99%	-28.6%	-3.5	-134.5
14	Dược phẩm, CN SH & KH đời sống	10	33.6	0.6%	3.1%	22.5%	19.85	3.22	13.53%	17.50%	-13.4%	11.1	-33.6
15	Chưa phân loại	13	15.3	0.3%	0.9%	81.5%	28.87	2.16	3.93%	13.67%	-32.9%	-1.0	-52.1
16	Phần cứng & thiết bị công nghệ	1	11.0	0.2%	-4.0%	190.8%	25.07	7.53	14.11%	34.14%	-45.5%	-14.1	15.9
17	Ô tô & phụ tùng	6	9.6	0.2%	-4.0%	50.2%	22.07	1.96	7.27%	13.39%	-61.1%	15.6	-347.6
18	Dịch vụ tiêu dùng	9	9.4	0.1%	-1.1%	26.4%	21.79	3.20	-5.32%	-4.22%	-13.8%	9.4	23.0
19	Thương mại & dịch vụ chuyên nghiệp	5	5.5	0.1%	-6.4%	27.2%	19.92	1.78	8.86%	12.20%	-69.3%	7.9	-10.6
20	Dịch vụ viễn thông	1	2.6	0.0%	16.7%	432.7%	102.68	3.28	0.74%	3.24%	45.0%	-0.3	-37.8
21	Hàng gia dụng	1	1.6	0.0%	-2.9%	-5.2%	9.78	2.38	16.47%	25.84%	-57.6%	-0.7	-36.2
22	Thiết bị & dịch vụ chăm sóc sức khỏe	3	4.0	0.1%	-11.6%	71.5%	16.12	2.69	3.18%	8.42%	-18.4%	-7.8	283.7
23	Truyền thông & giải trí	2	1.9	0.0%	27.0%	-26.9%	28.06	2.99	-9.81%	-14.63%	10.9%	1.7	-6.9
	VNIndex	419	5,870.0	100.0%	1.3%	35.7%	17.48	2.76	2.67%	16.11%	-16.7%	-2,904.0	-57,912.9
	VN30 Index	30	3,982.4	67.8%	-0.9%	42.3%	14.41	2.89	2.87%	20.54%	5.8%	-84.8	-43,763.0

Nguồn: Bloomberg, ACBS

Danh sách 20 mã có vốn hóa thị trường lớn nhất (đến ngày 31/12/2021)

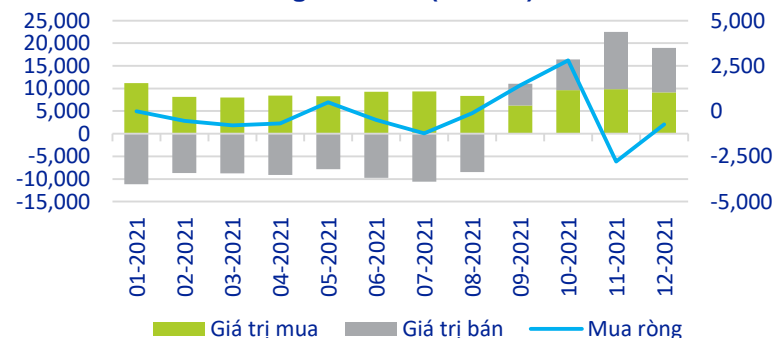
STT	Mã CK	Tên công ty	Vốn hóa thị trường (VNDtn)	Tăng trưởng 1M	Tăng trưởng YTD	P/E	P/B	Room NN còn lại (%)
1	VCB	Vietcombank	372.9	2.9%	4.0%	17.7	3.4	6.5%
2	VIC	VinGroup	361.9	-9.4%	-1.1%	85.6	3.6	35.5%
3	VHM	Vinhomes	357.1	-3.1%	20.8%	9.1	3.1	26.6%
4	HPG	Hòa Phát	207.5	-5.2%	52.3%	6.5	2.5	25.4%
5	MSN	Tập đoàn Masan	201.9	14.8%	94.3%	84.1	9.4	68.3%
6	BID	BIDV	187.7	5.6%	-2.1%	18.8	2.3	13.3%
7	GAS	PV Gas	184.1	-2.1%	14.6%	21.9	3.7	46.3%
8	VNM	VINAMILK	180.6	-1.4%	-17.5%	17.2	5.8	45.4%
9	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va	175.7	8.4%	147.8%	57.7	5.1	30.6%
10	TCB	Techcombank	175.5	-3.5%	58.7%	10.1	2.0	0.0%
11	CTG	VietinBank	162.9	3.5%	29.7%	9.9	1.7	4.3%
12	VPB	VPBank	159.1	-5.0%	98.3%	12.9	2.6	-2.1%
13	GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	147.8	-4.8%	25.4%	26.9	3.0	12.5%
14	MBB	MBBank	109.2	-0.3%	69.6%	9.8	1.9	0.0%
15	MWG	Thế giới di động	96.9	-2.2%	72.0%	22.4	5.2	0.0%
16	SAB	SABECO	96.8	-1.9%	-21.9%	25.3	4.6	37.5%
17	ACB	Ngân hàng Á Châu	93.2	3.6%	53.5%	9.6	2.2	0.0%
18	FPT	FPT Corp	84.4	-4.2%	84.8%	21.0	5.0	0.0%
19	VIB	VIBBank	73.5	12.1%	104.4%	12.9	3.3	0.0%
20	VJC	Vietjet Air	69.5	4.7%	2.6%	57.2	4.1	13.6%

Tỷ trọng đóng góp trong VNIndex Tháng 12/2021



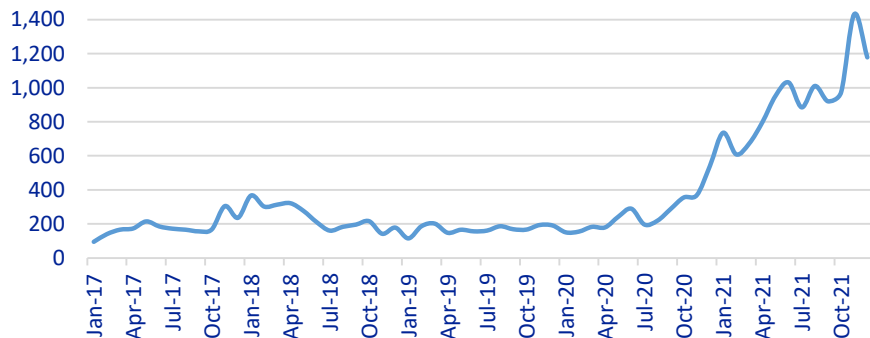
Ghi chú: Điểm tác động (pts)

Giao dịch tự doanh của các CTCK trong VNIndex (VNDbn)



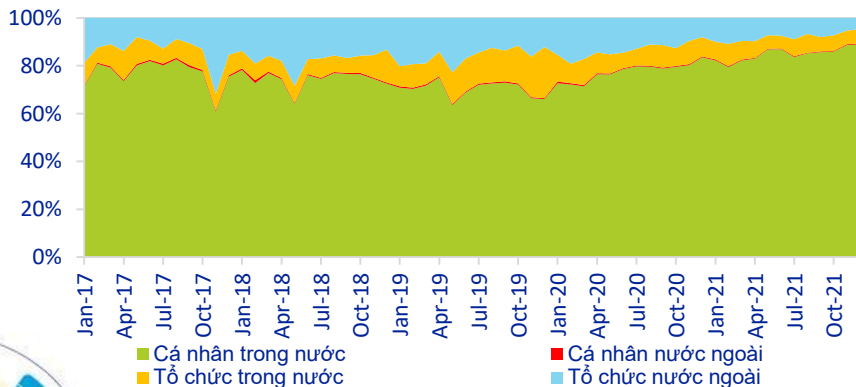
Nguồn: FiinPro, ACBS

Giá trị giao dịch trung bình ngày (Triệu USD)



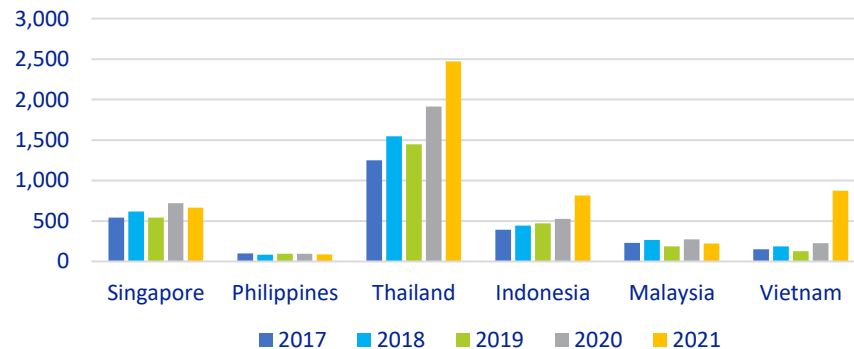
Nguồn: Fiin Pro, ACBS

Giá trị giao dịch theo nhóm nhà đầu tư



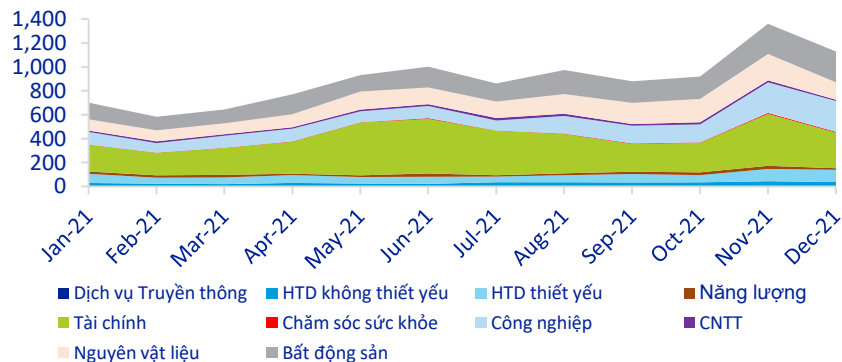
Nguồn: Fiin Pro, ACBS

Giá trị giao dịch trung bình ngày của các thị trường ASEAN (Triệu USD)



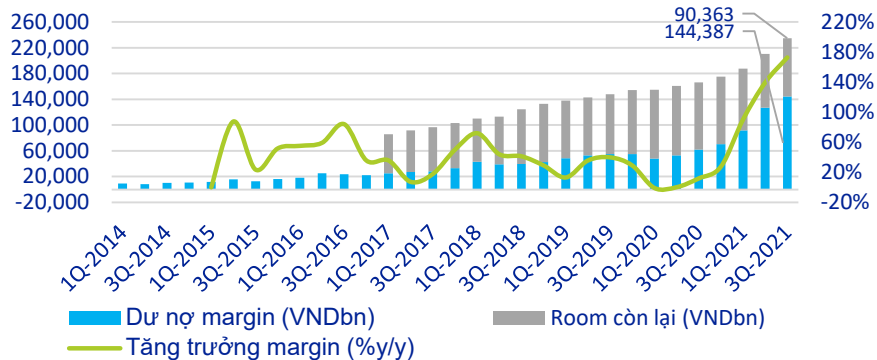
Nguồn: Bloomberg, ACBS

Giá trị giao dịch TB ngày theo ngành (Triệu USD)



Nguồn: Fiin Pro, Bloomberg, ACBS

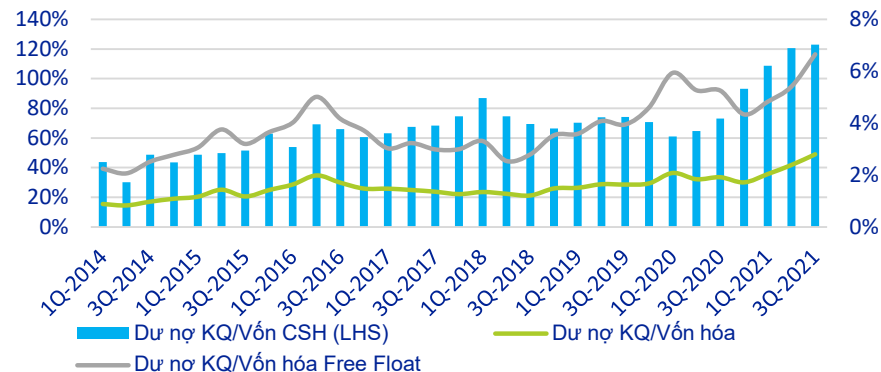
Dư nợ ký quỹ



Nguồn: Fiin Pro, ACBS. Ghi chú: room margin dựa trên giới hạn cho vay KQ của các CTCK

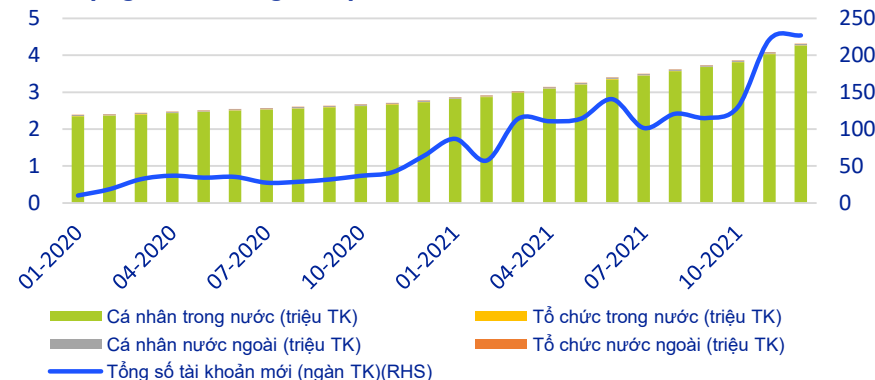
- ❖ Dư nợ cho vay ký quỹ trên toàn thị trường đến cuối tháng 9 đã tăng đến 123% vốn chủ sở hữu nhưng vẫn ở mức thấp so với giới hạn 200%. Thời gian qua, nhiều công ty chứng khoán đã hoàn thành việc tăng vốn chủ sở hữu hoặc đang có kế hoạch tăng vốn chủ sở hữu để đảm bảo hoạt động cho vay được an toàn, mở rộng hoạt động và nâng cao chất lượng dịch vụ, nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động ký quỹ trên thị trường.
- ❖ Tính đến cuối tháng 9, tỷ lệ dư nợ ký quỹ so với vốn hóa thị trường free float đã tăng lên 6,7% từ 5,4% vào cuối quý 2. Việc tăng mạnh đòn bẩy ký quỹ cần được theo dõi chặt chẽ trong thời gian tới.
- ❖ Tài khoản giao dịch mở trong tháng 12 vẫn tiếp tục tăng với con số cao là 226.886 tài khoản mới, tăng 2,5% so với tháng 11 (so với 70% trong tháng 11), chủ yếu từ các nhà đầu tư cá nhân trong nước.

Đòn bẩy ký quỹ



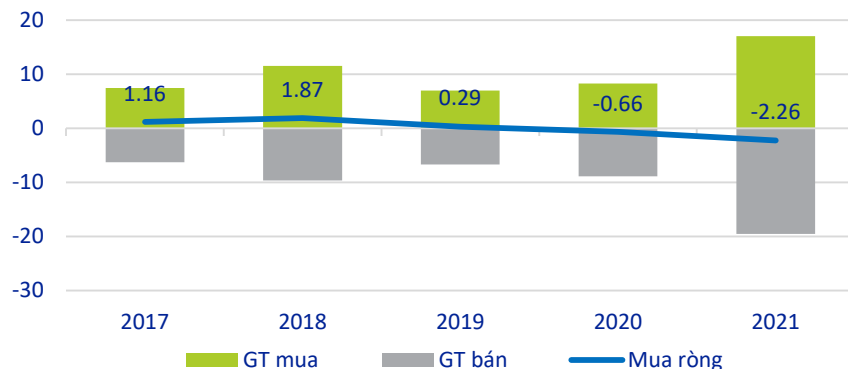
Nguồn: Fiin Pro, Bloomberg, ACBS

Số lượng tài khoản giao dịch



Nguồn: GSO, ACBS

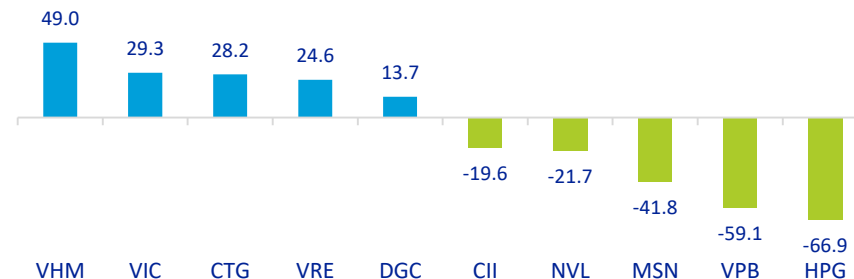
Giao dịch NĐT nước ngoài - VNIndex (Tỷ USD)



Nguồn: FiinPro, ACBS

- ❖ Dòng vốn của nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục tiêu cực, đạt mức bán ròng 2,26 tỷ USD tính đến cuối tháng 12 năm 2021. Trong tháng 12, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng 126,5 triệu USD (so với 380,7 triệu USD trong tháng 11).
- ❖ Vật tư và Ngân hàng có dòng vốn bán ròng cao nhất trong tháng 12. Ngược lại, nhóm Bất động sản, Dịch vụ tài chính đa dạng và Bảo hiểm nhận được dòng vốn mua ròng. Khối ngoại cũng mua ròng nhiều cổ phiếu bất động sản như VHM, VIC, VRE.
- ❖ Nhiều thị trường chứng khoán châu Á chứng kiến dòng tiền chảy ra vào năm 2021. Tính riêng trong tháng 12, dòng vốn nước ngoài đã mua ròng ở nhiều thị trường như Indonesia, Philippines, Đài Loan.

Mã CK được NĐTNN mua ròng nhiều nhất trong tháng (Triệu USD)

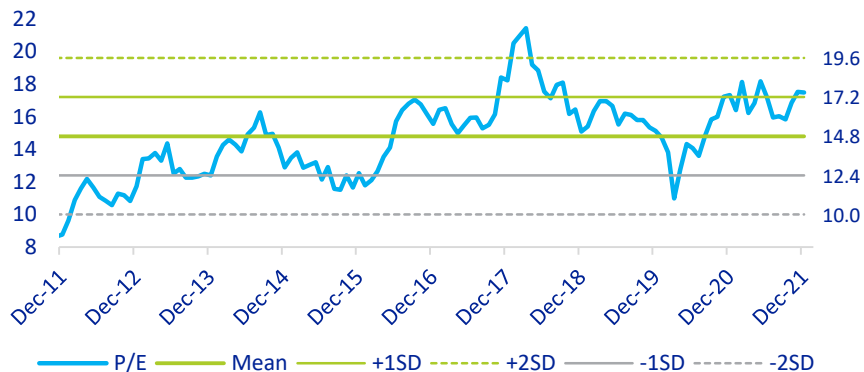


Nguồn: FiinPro, ACBS

Thị trường	NN mua ròng 1M (Tỷ USD)	NN mua ròng YTD (Tỷ USD)	Vốn hóa TT (Tỷ USD)	NN Mua ròng YTD/ Vốn hóa TT
Việt Nam	-0.129	-2.7	256.1	-1.1%
Indonesia	0.032	2.7	577.6	0.5%
Malaysia	-0.293	-0.7	250.9	-0.3%
Philippines	1.724	0.0	185.4	0.0%
Thái Lan	0.590	-1.6	585.8	-0.3%
Đài Loan	3.179	-15.6	2,020.1	-0.8%

Nguồn: Bloomberg, ACBS

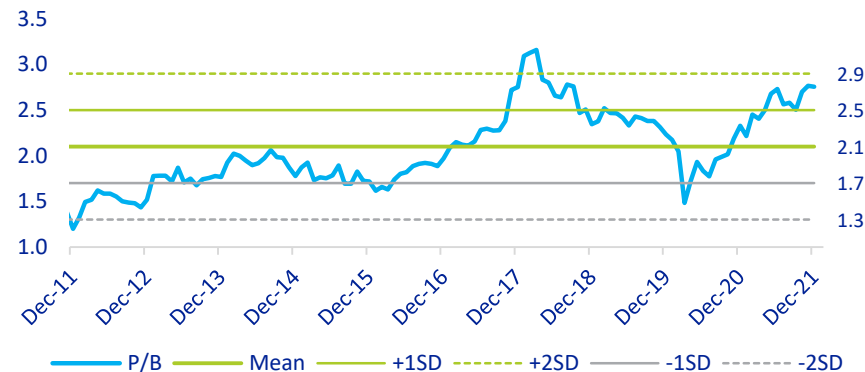
P/E của VNIndex trong 10 năm



Nguồn: Bloomberg, ACBS

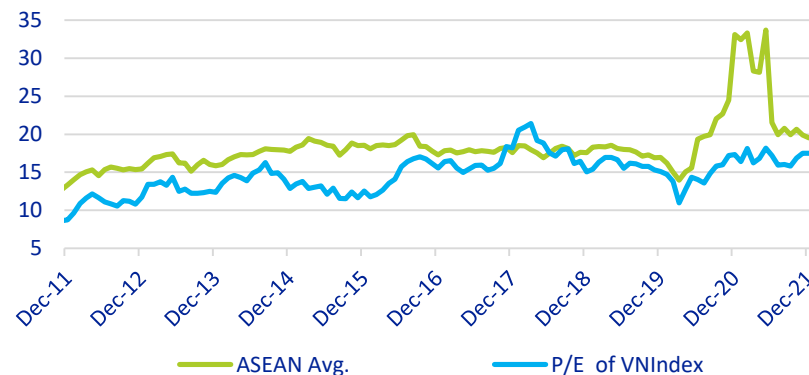
- ❖ Sau khi tăng mạnh vào tháng 11, VNIndex đang giao dịch ở mức trung bình 10 năm cộng 1SD (P/E là 17,2) và tiếp tục duy trì xu hướng tăng mà không có tín hiệu đảo ngược. Chỉ số VNIndex hiện đang giao dịch ở mức P/E là 17,5, cao hơn 18% so với mức trung bình 10 năm là 14,8. Chỉ số P/E đã vượt mức 1SD trên mức trung bình 10 năm (P/E là 17,2) và tiếp tục thu hẹp khoảng cách với P/E trung bình của ASEAN.

P/B của VNIndex trong 10 năm



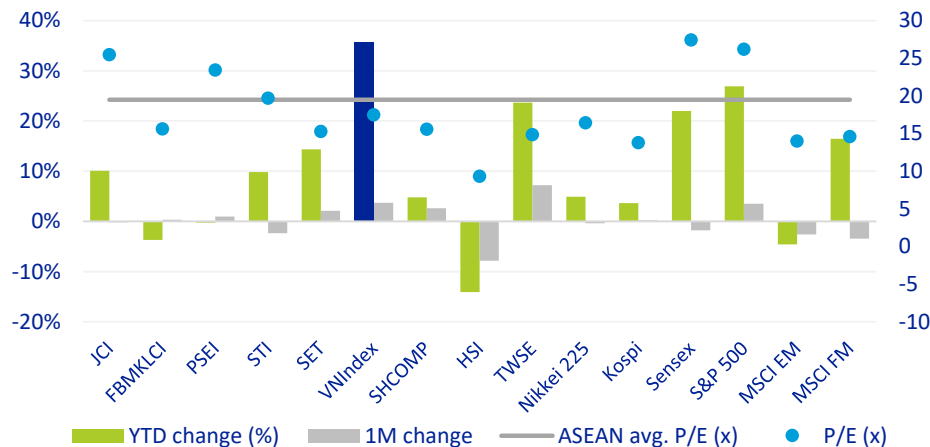
Nguồn: Bloomberg, ACBS

P/E của VNIndex và các thị trường trong khu vực



Nguồn: Bloomberg, ACBS

Tăng trưởng của VNINDEX và các chỉ số khác



Nguồn: Bloomberg, ACBS

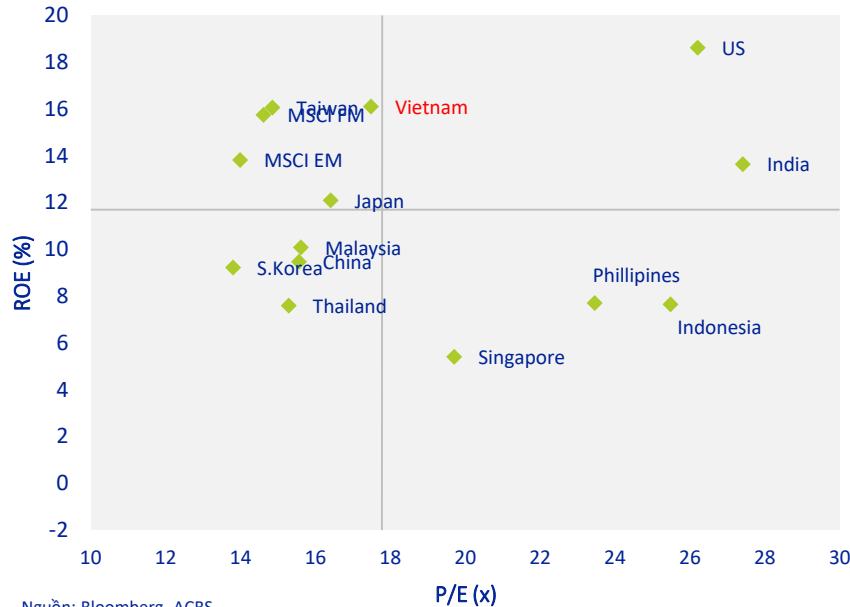
Tăng trưởng thu nhập và P/E dự tính

Quốc gia	2022E EPS growth (%)	2021 P/E (x)	2022F P/E (x)
Việt Nam (*)	26.2%	17.3	17.5
Trung bình	28.3%	33.1	16.2
Indonesia	62.3%	48.1	15.9
Malaysia	3.3%	22.8	14.9
Phillipines	39.8%	32.5	16.6
Singapore	52.0%	40.7	13.0
Thái Lan	-13.9%	37.2	19.4

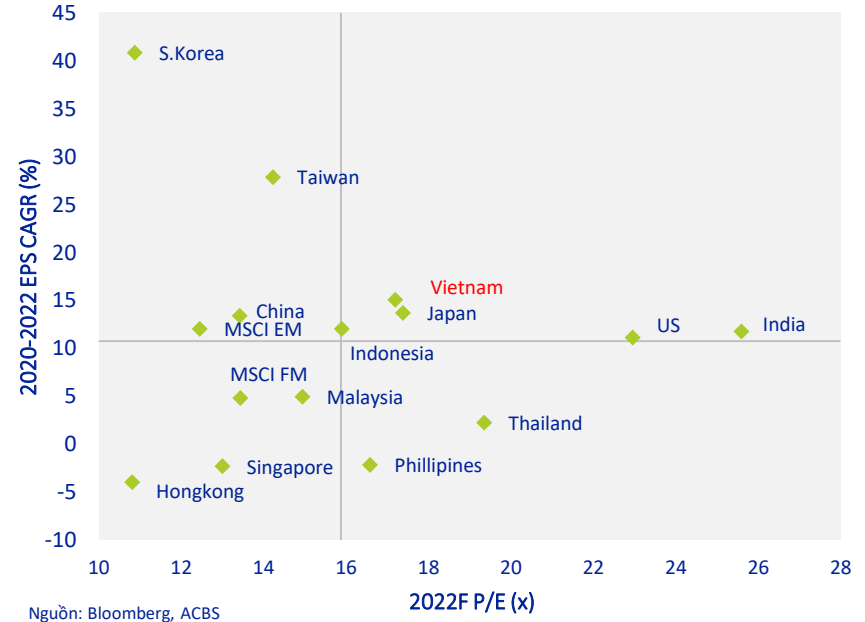
Nguồn: Bloomberg, *ACBS

- Với việc chỉ số kết thúc năm là 1.498 điểm, VNINDEX đã tăng 35,7% vào năm 2021 và lọt vào danh sách 10 thị trường chứng khoán tăng điểm hàng đầu thế giới. Bất chấp dòng chảy ra của các nhà đầu tư nước ngoài, các nhà đầu tư cá nhân trong nước gia nhập thị trường tăng trưởng qua từng tháng, thúc đẩy thanh khoản thị trường và tạo lực đỡ cho thị trường chống lại sự sụt giảm trở lại. Chỉ số đóng cửa năm 2021 ở mức P/E là 17,5, thấp hơn 11,4% so với mức trung bình 19,5 của thị trường ASEAN.
- Đối với các thị trường khác, HSI của Hồng Kông rơi vào thị trường giá xuống trong khi SHCOMP của Trung Quốc tăng chậm lại do lệnh đóng cửa nghiêm ngặt do sự bùng phát COVID-19 mới trong khi chính phủ duy trì chính sách zero COVID có thể tác động tiêu cực đến nền kinh tế. Sensex của Ấn Độ tiếp tục giảm trong tháng 12 và giao dịch ở mức P/E là 27,4, khá cao so với các thị trường khác.

P/E và ROE của các chỉ số trên thế giới



Định giá thị trường



- ❖ ROE hiện tại của VNIndex vào khoảng 16,1, nằm trong số các thị trường có tỷ suất sinh lợi cao nhất, kết hợp với P/E là 17,48, VNIndex vẫn hấp dẫn hơn các thị trường ngang hàng.
- ❖ Dự báo của chúng tôi về CAGR EPS 3 năm của Việt Nam là khoảng 15,1%, mức tăng trưởng hợp lý trong bối cảnh nền kinh tế đang mở cửa trở lại cùng với việc nối lại các chuyến bay quốc tế và việc loại bỏ các trạm kiểm soát Covid-19 trên cả nước, lợi nhuận của công ty được kỳ vọng sẽ tăng trưởng tốt hơn. Cùng với P/E forward 17,2, VNIndex tương đối hấp dẫn để đầu tư dài hạn so với các thị trường cùng ngành.

- ❖ Kỳ vọng ban đầu của chúng tôi là thu nhập của thị trường Việt Nam sẽ tăng trưởng ở mức ~ 13% vào năm 2022 nhờ các lĩnh vực ngân hàng, bất động sản và vật liệu xây dựng, cũng như sự phục hồi của tiêu dùng trong nước và ngoại thương sau đại dịch.
- ❖ Trong ngắn hạn, động lực của thị trường đến từ lợi nhuận khả quan của các công ty trong quý 4/2021, trong đó nhiều công ty đã có sự cải thiện doanh thu. Ngoài ra, kỳ vọng về mùa mua sắm cuối năm trước Tết Nguyên đán sẽ thúc đẩy nhu cầu hàng hóa, dịch vụ và có lợi cho các nhà bán lẻ. Doanh số bán lẻ tăng mạnh trong hai tháng liên tiếp cho thấy chiến lược chống đại dịch mới đang phát huy tác dụng để khôi phục hoạt động cho nền kinh tế. Dòng vốn đến từ nhà đầu tư mới mở tài khoản giao dịch trong thời gian gần đây cộng với nguồn vốn dồi dào đến từ hoạt động tài trợ ký quỹ của các công ty chứng khoán có thể thúc đẩy tăng trưởng và thanh khoản của thị trường cũng như tạo lực đỡ cho thị trường chống lại sự sụt giảm trở lại. Chúng tôi tin rằng thị trường vốn của Việt Nam vẫn còn dư địa để tăng trưởng do chúng tôi kỳ vọng các công ty trong các lĩnh vực chính sẽ tiếp tục phát triển vào năm 2022.
- ❖ Xét về triển vọng dài hạn, sự gia nhập vào thị trường chứng khoán ngày càng tăng là báo hiệu tốt cho sự phát triển liên tục của thị trường được hỗ trợ bởi các nhà đầu tư trong nước. Trong khi dòng vốn ngoại tính từ đầu năm vẫn âm, chúng tôi cho rằng không có sự thay đổi nào về cơ cấu đối với thị trường có thể khiến nhà đầu tư nước ngoài rút vốn quá lâu do triển vọng thị trường trong dài hạn quá hấp dẫn nên không thể bỏ qua trong dài hạn. Chúng tôi cũng cho rằng làn sóng thoái vốn của các DNNN và niêm yết mới sẽ bắt đầu trong bối cảnh thị trường chứng khoán đang tốt như hiện nay, mang đến cơ hội đầu tư mới cho các nhà đầu tư. Nền tảng giao dịch mới của HOSE dự kiến sẽ được áp dụng vào quý 2 năm 2022, sẽ cho phép thanh khoản cao hơn nhiều cũng như phát triển các sản phẩm khác, thúc đẩy thị trường bùng nổ.
- ❖ Vấn đề quan trọng nhất ảnh hưởng đến thị trường là lây lan của biến thể mới Omicron ở EU, Mỹ và một số nước châu Á khi Việt Nam có kế hoạch nối lại các chuyến bay quốc tế. Tuy nhiên, vẫn chưa có bằng chứng rõ ràng về việc liệu nó có gây ra các triệu chứng tồi tệ hơn và tăng nhu cầu điều trị tại bệnh viện hay không. Vì vậy, theo chúng tôi, chúng tôi lo ngại hơn về những hạn chế dự kiến được gia hạn đối với các hoạt động, có thể làm trì hoãn việc khởi động lại và phục hồi các hoạt động kinh tế, hơn là làm chậm tốc độ tăng trưởng của các hoạt động kinh tế trong tương lai. Hiện nay, nhiều tỉnh ở Việt Nam vẫn đang chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch và các biện pháp nghiêm ngặt được áp dụng để đối phó với COVID-19 gây ra nhiều vấn đề kinh tế - xã hội và tác động tiêu cực đến chuỗi hoạt động của doanh nghiệp và lực lượng lao động.

Chúng tôi kỳ vọng 3 kịch bản cho chỉ số VNIndex vào cuối năm 2022 như sau:

- ❖ Trong một kịch bản trung tính, chúng tôi kỳ vọng rằng bội số thu nhập thị trường sẽ giao dịch quanh mức 1SD trên mức trung bình 10 năm vào ngày 31/12/2021. Với mức tăng trưởng thu nhập dự báo hiện tại của chúng tôi, chỉ số VNIndex sẽ giao dịch cao hơn 11,2% so với cuối năm 2021
- ❖ Kịch bản lạc quan của chúng tôi giả định rằng VNIndex sẽ có thể giao dịch ở mức thu nhập cao hơn 10% so với mức hiện tại do triển vọng tích cực về gói phục hồi và chiến lược sống chung với COVID-19 sẽ được giữ nguyên kết hợp với việc tiêm chủng được triển khai đầy đủ trên cả nước, các cơ quan chức năng và doanh nghiệp, hộ gia đình có thể rút kinh nghiệm về các biện pháp phòng chống COVID-19 trong 2 năm qua.
- ❖ Kịch bản thận trọng dựa trên điều kiện nền kinh tế ảm đạm trong đó kỳ vọng thu nhập giảm và do đó định giá chỉ số giảm xuống mức bội số thu nhập trung bình trong 10 năm. Chúng tôi tin rằng kịch bản này chỉ có thể xảy ra nếu Việt Nam không thể ngăn chặn được biến thể mới của đại dịch và các trường hợp COVID-19 mới tiếp tục gia tăng với các biến thể khác cho đến cuối năm.

Các kịch bản cho năm 2022

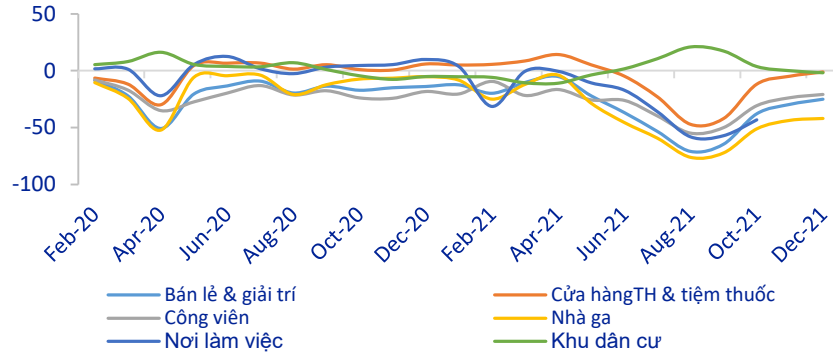
Kịch bản	VN-Index	Growth vs. Nov 30 th	2021 PE (x)
Thận trọng	1.423,6	-5,0%	14,7
Trung tính	1.665,7	11,2%	17,2
Lạc quan	1.832,2	22,3%	18,9

Ma trận độ nhạy của chỉ số VNIndex đến cuối năm 2022

	Tăng trưởng thu nhập								
	5.0%	7.5%	10.0%	12.5%	15.0%	17.5%	20.0%	22.5%	
Bội số thu nhập	15.5	1,394.8	1,428.0	1,461.2	1,494.4	1,527.6	1,560.8	1,594.0	1,627.2
	16.0	1,439.8	1,474.0	1,508.3	1,542.6	1,576.9	1,611.2	1,645.4	1,679.7
	16.5	1,484.8	1,520.1	1,555.5	1,590.8	1,626.2	1,661.5	1,696.9	1,732.2
	17.0	1,529.7	1,566.2	1,602.6	1,639.0	1,675.4	1,711.9	1,748.3	1,784.7
	17.5	1,574.7	1,612.2	1,649.7	1,687.2	1,724.7	1,762.2	1,799.7	1,837.2
	18.0	1,619.7	1,658.3	1,696.9	1,735.4	1,774.0	1,812.6	1,851.1	1,889.7
	18.5	1,664.7	1,704.4	1,744.0	1,783.6	1,823.3	1,862.9	1,902.5	1,942.2
	19.0	1,709.7	1,750.4	1,791.1	1,831.8	1,872.5	1,913.3	1,954.0	1,994.7

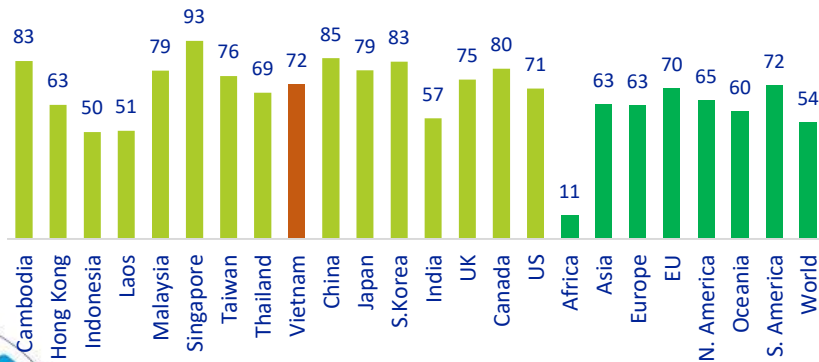
- ❖ Các vấn đề quan trọng nhất ảnh hưởng đến thị trường là sự phổ biến của biến thể mới Omicron ở EU, Mỹ và một số nước châu Á khi Việt Nam có kế hoạch nối lại các chuyến bay quốc tế. Tuy nhiên, vẫn chưa có bằng chứng rõ ràng về việc liệu nó có gây ra các triệu chứng tồi tệ hơn và tăng nhu cầu điều trị tại bệnh viện hay không. Ngoài ra, theo Pfizer, họ có thể có vắc-xin cập nhật trong khoảng 100 ngày để chiến đấu với biến thể Omicron và Moderna cũng nói rằng họ đang nghiên cứu một ứng cử viên vắc-xin được sửa đổi cho biến thể mới. Vì vậy, theo chúng tôi, chúng tôi lo ngại hơn về những hạn chế dự kiến được gia hạn đối với các hoạt động, có thể làm trì hoãn việc khởi động lại và phục hồi các hoạt động kinh tế, hơn là làm chậm tốc độ tăng trưởng của các hoạt động kinh tế trong tương lai. Hiện nay, nhiều tỉnh ở Việt Nam vẫn đang chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch và các biện pháp nghiêm ngặt được áp dụng để đối phó với COVID-19 gây ra nhiều vấn đề kinh tế - xã hội và tác động tiêu cực đến chuỗi hoạt động của doanh nghiệp và lực lượng lao động.
- ❖ Các chỉ số về tính di động của Google áp dụng cho Việt Nam cho thấy hầu hết các hoạt động đều giảm trong tháng 12. Việt Nam đang chuẩn bị đón khách quốc tế và thúc đẩy ngành du lịch, đặc biệt là du lịch địa phương khi năm mới sắp đến. Các hoạt động dự kiến sẽ được cải thiện trong những tháng tới trước Tết Nguyên đán.
- ❖ Theo kế hoạch, Việt Nam sẽ mở lại đường bay quốc tế từ tháng 1 năm 2022. Đến nay đã có 4 quốc gia đồng ý mở đường bay với Việt Nam là Nhật Bản, Đài Loan, Singapore và Campuchia. Nhiều ngành được hưởng lợi từ chính sách này không chỉ du lịch mà còn có các doanh nghiệp khác có chuyên gia nước ngoài cũng việc mua doanh nghiệp.
- ❖ Việc thoái vốn nhà nước được kỳ vọng sẽ gia tăng nhờ diễn biến tích cực của thị trường chứng khoán Việt Nam. Quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài (FOL) sẽ tiếp tục là rào cản đối với việc thoái vốn nhà nước tại các công ty Việt Nam. Trong năm 2022, một số doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn như EVN, Vinacomin và Vinataba dự kiến sẽ thực hiện quá trình cổ phần hóa để thoái vốn nhà nước.
- ❖ Về xếp hạng thị trường, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục được xếp vào nhóm Thị trường cận biên và chưa được nâng hạng lên Thị trường mới nổi trong lần rà soát gần đây nhất.

Xu hướng dịch chuyển cộng đồng của Việt Nam trong dịch Covid-19



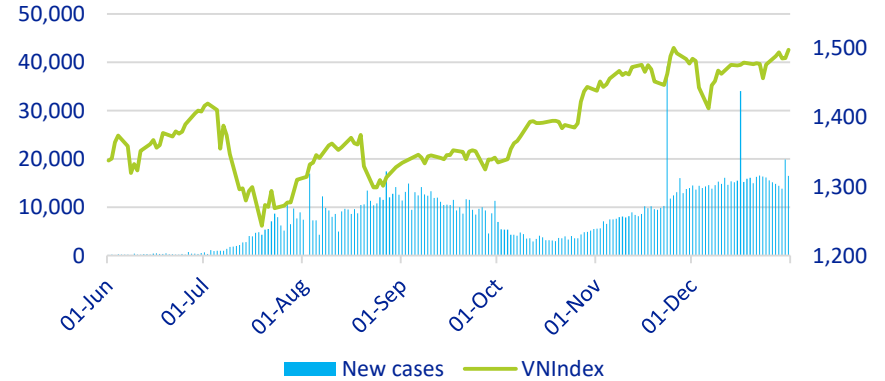
Nguồn: Google, ACBS

Tỷ lệ người được tiêm chủng ít nhất 1 liều vaccine

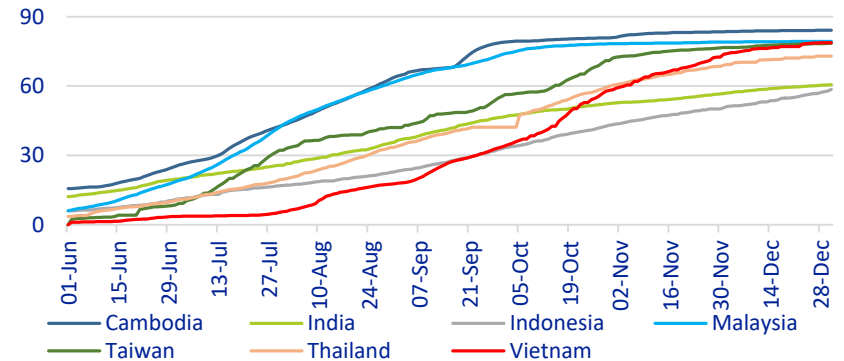


Nguồn: Ourworldindata, ACBS. Updated Nov 30, 2021

Ca nhiễm Covid mới và chỉ số VNIndex



Tăng trưởng của tỷ lệ tiêm chủng trong năm 2021



Nguồn: Ourworldindata, ACBS

Các sự kiện sắp diễn ra

Loại sự kiện	Ngày	Quốc gia	Sự kiện	Mã CK
Niên yết mới	04-Jan-2022	Vietnam	Quang Tri Minh Hung	GMH
Kinh tế	04-Jan-2022	Vietnam	Khai mạc kỳ họp đầu tiên Quốc hội 15	
Kinh tế	06-Jan-2022	US	Biên bản họp FOMC	
Niên yết mới	07-Jan-2022	Vietnam	KIM GROWTH VN30 ETF	FUEKIV30
Index review	17-Jan-2022	Vietnam	VN30 index, VNFinlead index review	
Kinh tế	29-Jan-2022	Vietnam	Cán cân thương mại	
Kinh tế	29-Jan-2022	Vietnam	Chỉ số sản xuất công nghiệp	
Kinh tế	29-Jan-2022	Vietnam	Tỷ lệ lạm phát	
Kinh tế	29-Jan-2022	Vietnam	Doanh số bán lẻ	
Index review	10-Feb-2022	Vietnam	MSCI Frontier Market Index review	

Lịch sự kiện	Ngày GDKHQ	Quốc gia	Sự kiện	Mã CK
Cổ tức tiền mặt	04-Jan-2022	Vietnam - HOSE	Cổ tức tiền mặt VND1,500	NTL
Cổ tức tiền mặt	05-Jan-2022	Vietnam - HOSE	Cổ tức tiền mặt VND500	TLG
Phát hành cổ phần	06-Jan-2022	Vietnam - HOSE	Phát hành cổ phần 250%	ACC
Cổ tức tiền mặt	07-Jan-2022	Vietnam - HOSE	Cổ tức tiền mặt VND2,000	SAB
Cổ tức tiền mặt	10-Jan-2022	Vietnam - HOSE	Cổ tức tiền mặt VND1,400	VNM
Cổ tức tiền mặt	10-Jan-2022	Vietnam - HOSE	Cổ tức tiền mặt VND3,000	DHA
Cổ tức tiền mặt	19-Jan-2022	Vietnam - HOSE	Cổ tức tiền mặt VND1,000	ABT

Triển vọng ngành

Ngành:	TÀI CHÍNH	Phân ngành:	NGÂN HÀNG	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	CTG, TCB, MBB, STB
--------	-----------	-------------	-----------	----------------------	-----------	---------------------	----------	---------------	--------------------

Tổng quan ngành

Tác động của COVID-19

Kết quả kinh doanh quý 3 tăng trưởng chậm lại do tác động của đại dịch Covid-19:

- Tổng thu nhập trong quý 3/2021 tăng trưởng 17% so với cùng kỳ và giảm 8,9% so với quý trước. Nguyên nhân đến từ áp lực giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ khách hàng từ Ngân hàng Nhà nước và các hoạt động ngoài lãi bị đình trệ bởi tình trạng giãn cách xã hội trong Q3/21.
- Chi phí dự phòng vẫn duy trì ở mức cao để dự phòng cho các khoản nợ tái cơ cấu.
- Lợi nhuận trước thuế Q3/21 mặc dù vẫn tăng trưởng 18,2% so với cùng kỳ năm ngoái nhưng mức tăng đã chậm lại so với mức tăng 55,5% trong 6T2021 và giảm 14,6% so với quý trước.

Chất lượng tài sản không bị suy giảm đáng kể trong Q3/21. Đợt dịch COVID-19 thứ 4 và tình trạng phong tỏa kéo dài trong Q3/21 khiến nền kinh tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tuy nhiên, nhìn chung cả ngân hàng niêm yết vẫn đang kiểm soát tốt chất lượng tài sản:

- Tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ so với quý trước và giảm so với những thời điểm dịch bệnh bùng phát vào năm ngoái.
- Nợ nhóm 2, một chỉ báo sớm của nợ xấu, cũng không tăng mạnh trong Q3/21.
- Nợ tái cơ cấu do COVID-19 tăng lên trong Q3/21, tuy nhiên chúng tôi ước tính nợ tái cơ cấu chỉ chiếm hơn 1% tổng dư nợ.
- Nhiều ngân hàng đã trích lập dự phòng cao hơn mức tối thiểu đối với các khoản nợ tái cơ cấu, nhờ đó, tỷ lệ bao phủ nợ xấu được duy trì ở mức cao.

Triển vọng

Hậu COVID-19

- Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng tín dụng trong năm 2022 sẽ đạt 15% nhờ môi trường lãi suất thấp kích thích nhu cầu tín dụng. Chủ trương nới lỏng tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước cũng sẽ hỗ trợ cho tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng tín dụng ở mức cao sẽ bù đắp cho thu nhập lãi chịu áp lực từ các gói hỗ trợ lãi vay của các ngân hàng.
- Thu nhập từ các hoạt động ngoài lãi cũng sẽ hồi phục sau giai đoạn giãn cách.
- Việc trích lập dự phòng quyết liệt trong năm 2021 đối với các khoản nợ tái cơ cấu sẽ giúp giảm áp lực trích lập dự phòng trong năm 2022.
- Tuy nhiên, áp lực cắt giảm lợi nhuận để hỗ trợ nền kinh tế từ phía Ngân hàng Nhà nước sẽ khiến lợi nhuận của các ngân hàng khó có sự tăng trưởng mạnh trong năm 2022.

Triển vọng ngành

Ngành:	TÀI CHÍNH	Phân ngành:	BẢO HIỂM	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	BVH, PVI
--------	-----------	-------------	----------	----------------------	-----------	---------------------	----------	---------------	----------

Tổng quan ngành

Tác động của COVID-19

- Tình trạng giãn cách xã hội chặt chẽ trong đợt dịch COVID-19 thứ 4 vừa qua ảnh hưởng đến quá trình tư vấn và bán hàng đối với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ.
- Trong khi đó, mảng bảo hiểm phi nhân thọ ít chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 hơn do các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và phần lớn là bắt buộc.

Triển vọng

Hậu COVID-19

- Thị trường bảo hiểm nhân thọ của Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng tăng trưởng. Đến cuối năm 2020, tỷ lệ dân số có bảo hiểm nhân thọ mới chỉ đạt 11%.
- Chúng tôi kỳ vọng doanh số ngành bảo hiểm nhân thọ sẽ tăng trưởng với tốc độ bình quân 20%/năm trong 5 năm tới.
- Đối với mảng bảo hiểm phi nhân thọ, chúng tôi kỳ vọng doanh số ngành bảo hiểm phi nhân thọ sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng 10%/năm trong 5 năm tới.

Triển vọng ngành

Ngành:	TÀI CHÍNH	Phân ngành:	CHỨNG KHOÁN	Triển vọng ngắn hạn:	TÍCH CỰC	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	SSI, HCM, VCI, VND
--------	-----------	-------------	-------------	----------------------	----------	---------------------	-----------	---------------	--------------------

Tổng quan ngành

Tác động của COVID-19

- Lĩnh vực môi giới chứng khoán là một trong những lĩnh vực ít bị ảnh hưởng nhất bởi Covid-19. Môi trường lãi suất thấp thu hút các nhà đầu tư trong nước tham gia vào thị trường chứng khoán. Số lượng tài khoản chứng khoán mở mới trong tháng 11/2021 lên tới 220.602 tài khoản, cao hơn 58% so với kỷ lục trước đó vào tháng 6/2021.
- Hoạt động tự doanh cũng đạt kết quả khá tốt trong thời gian Covid-19. VN-Index tăng 31,1% kể từ đầu năm, mang lại khoản lợi nhuận lớn từ hoạt động tự doanh cho các công ty chứng khoán.
- Hoạt động tự vấn (IB) bị chậm lại trong ngắn hạn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Triển vọng

Hậu COVID-19

- Hoạt động môi giới chứng khoán của Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng tăng trưởng khi tỷ lệ cá nhân có tài khoản chứng khoán tại Việt Nam mới chỉ đạt khoảng 4%. Chính phủ đặt mục tiêu nâng tỷ lệ người dân tham gia thị trường chứng khoán lên 5% vào năm 2025 và 10% vào năm 2030.
- Tuy nhiên mảng môi giới chứng khoán có mức độ cạnh tranh cao. Trên thị trường có rất nhiều công ty chứng khoán, trong khi sản phẩm ít có sự khác biệt.
- Thị trường vốn của Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn phát triển và còn nhiều tiềm năng tăng trưởng, đặc biệt là lĩnh vực tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Tóm tắt ngành: Bất động sản

[Kinh tế vĩ mô](#)[Thị trường vốn](#)[Chủ đề thời sự](#)[Tóm tắt ngành](#)

Triển vọng ngành

Ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN	Phân ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN NHÀ Ở	Triển vọng ngắn hạn:	TIÊU CỰC	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	VHM, KDH, NLG
--------	---------------------	-------------	---------------------------	----------------------	-----------------	---------------------	------------------	---------------	---------------

Tổng quan ngành

- Đại dịch ảnh hưởng đến cả cung và cầu của phân khúc bất động sản nhà ở.
- Theo CBRE, trong 9T2021, Tp.HCM mở bán 7.464 căn (-35% n/n) và bán được 8.956 căn (-17% n/n). Giá trung bình tăng 17% theo năm, lên 2.271 USD/m² do nguồn cung hạn chế và sự xuất hiện của một dự án có thương hiệu ở khu vực trung tâm (Masterise Grand Marina).
- Hà Nội mở bán 11.430 căn (+7% n/n) và bán được khoảng 11.000 căn (-1% n/n). Giá trung bình là 1.542 USD/m² (+16% n/n) do tỷ trọng các dự án cao cấp ngày càng tăng.
- Nguồn cầu giảm do nguồn cung hạn chế, giá bán tăng, thu nhập cá nhân của hầu hết người mua nhà giảm, lo sợ suy thoái kinh tế và kỳ vọng giá sẽ giảm trong tương lai.

Triển vọng

- Thị trường đang hồi phục nhờ việc xây dựng/phê duyệt các dự án hạ tầng trọng điểm, lãi suất ổn định, tầng lớp trung lưu tăng, tốc độ đô thị hóa cao, v.v.

Ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN	Phân ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN KHU CÔNG NGHIỆP	Triển vọng ngắn hạn:	TIÊU CỰC	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	KBC, BCM
--------	---------------------	-------------	-------------------------------------	----------------------	-----------------	---------------------	-----------------	---------------	----------

Tổng quan ngành

- Thị trường phía Bắc: Giá thuê đất = 108 USD/m² (+6,1% n/n); Giá cho thuê kho = 4,6 USD/m²/tháng (+4,5% n/n); Tỷ lệ lấp đầy = 72%, giảm nhẹ so với Q2/2021.
- Thị trường phía Nam: Giá cho thuê đất = 114 USD/m² (+7,3% n/n); Giá cho thuê kho = 4,5 USD/m²/tháng (+1,4% n/n); Tỷ lệ lấp đầy ổn định ở mức 85%.

Triển vọng

- Triển vọng tích cực nhờ sự dịch chuyển/mở rộng liên tục của các nhà máy sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam và cơ sở hạ tầng được cải thiện. Bằng việc ứng dụng công nghệ kết nối trong cuộc cách mạng 4.0, các chủ đầu tư vẫn có thể bán sản phẩm thông qua nền tảng thực tế ảo có thể cảm nhận và tham quan không gian nhà xưởng, từ đó thương thảo hợp đồng mua bán.

Triển vọng ngành

Ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN	Phân ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN BÁN LẺ	Triển vọng ngắn hạn:	TIÊU CỰC	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	VRE
--------	---------------------	-------------	----------------------------	----------------------	-----------------	---------------------	------------------	---------------	-----

Tổng quan ngành

- Việc mở các dự án mới liên tục bị trì hoãn do làn sóng COVID-19 thứ tư.
- Tạm thời đóng cửa các trung tâm thương mại để tuân thủ các lệnh giãn cách xã hội kể từ cuối tháng 5 và hầu hết đã mở cửa trở lại từ giữa tháng 10 với những khách thuê hoạt động trong lĩnh vực vui chơi và giải trí sẽ mở lại sau đó.
- Hà Nội: giá thuê giảm 4% theo quý và 4% theo năm, đạt trung bình 24 USD/m2/tháng trong khi tỷ lệ trống tăng lên 15% (+0,4 điểm % theo quý và 3,8 điểm % theo năm).
- TP.HCM: Giá thuê tại khu trung tâm ổn định ở mức 137 USD/m2/tháng trong khi khu vực ngoài trung tâm giảm 3,8% theo quý, xuống 32,6 USD/m2/tháng; tỷ lệ trống ổn định ở mức khoảng 11,5% tại khu vực trung tâm và 2% tại khu vực ngoài trung tâm.

Triển vọng

- Tỷ lệ lấp đầy và giá thuê dự kiến sẽ phục hồi về mức trước dịch cùng với chính sách hỗ trợ khách thuê ngắn hạn từ chủ đầu tư. Mặt khác, việc người tiêu dùng thích ứng nhanh chóng với việc mua sắm trực tuyến là một trở ngại cho sự phát triển của phân khúc này.

Ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN	Phân ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN NGHỈ DƯỠNG	Triển vọng ngắn hạn:	TIÊU CỰC	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	CEO, NVL
--------	---------------------	-------------	--------------------------------	----------------------	-----------------	---------------------	------------------	---------------	----------

Tổng quan ngành

- Bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch do hạn chế đi lại nhưng đã dần phục hồi sau mỗi đợt COVID-19 nhờ nhu cầu đi lại của địa phương.
- Trong Q3/2021, 675 biệt thự và shophouse bãi biển (-39% theo quý nhưng gấp 1,6 lần theo năm) được mở bán với tỷ lệ hấp thụ 68% tương đương 456 căn (-42% theo quý nhưng gấp 3,1 lần theo năm), theo DKRA.

Triển vọng

- Nhu cầu du lịch sẽ tăng mạnh trong ngắn hạn sau một thời gian dài bị hạn chế du lịch. Ngoài ra, Việt Nam hiện có tỷ trọng khách du lịch nội địa cũng như nguồn khách lớn từ Trung Quốc và Hàn Quốc. Đây được coi là những yếu tố thuận lợi vì họ sẽ là những nhóm du khách đầu tiên hồi phục sau đại dịch. Tuy nhiên, mức độ phục hồi có thể xấp xỉ mức trước đại dịch.

Triển vọng ngành

Ngành:	BÁN LẺ	Phân ngành:	SẢN PHẨM THIẾT YẾU	Triển vọng ngắn hạn:	TÍCH CỰC	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	MWG, FRT
--------	---------------	-------------	---------------------------	----------------------	-----------------	---------------------	-----------------	---------------	----------

Tổng quan ngành

Tác động của COVID-19

- Doanh thu và lưu lượng khách đến các đại siêu thị, siêu thị và các cửa hàng, chuỗi bán lẻ cung cấp các sản phẩm thiết yếu trong ngắn hạn gia tăng do chợ truyền thống, nhà hàng, quán ăn đóng cửa tạm thời và người dân tích trữ lương thực thực phẩm, các sản phẩm nâng cao sức khỏe, vệ sinh nhà cửa, v.v... trong các giai đoạn giãn cách xã hội. Ví dụ, doanh thu trung bình trên mỗi cửa hàng của chuỗi Bách Hóa Xanh đã tăng ~22% trong Q3/2021 so với Q2/2021. Xu hướng tương tự cũng diễn ra tại các cửa hàng dược phẩm Long Châu (thành viên của FRT).
- Dịch bệnh cũng khiến hoạt động mua sắm trực tuyến trở nên phổ biến hơn, tiếp cận nhiều người tiêu dùng hơn với tần suất cao hơn và ghi nhận sự gia nhập của nhiều nhóm sản phẩm mới (đặc biệt là thực phẩm tươi sống, vốn thường được người tiêu dùng chọn mua trực tiếp tại cửa hàng/chợ).

Triển vọng

Hậu COVID-19

- Nhu cầu đối với các sản phẩm này có thể sẽ vẫn duy trì sau giai đoạn giãn cách và hậu dịch, do các sản phẩm này thường có hạn sử dụng không lâu và tầm quan trọng của chúng đối với cuộc sống hàng ngày, mặc dù giá trị hóa đơn có thể trở lại bình thường. Chợ truyền thống mở cửa trở lại cũng sẽ làm giảm bớt lưu lượng khách hàng đến với kênh thương mại hiện đại.

Ngành:	BÁN LẺ	Phân ngành:	SẢN PHẨM KHÁC	Triển vọng ngắn hạn:	TIÊU CỰC	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	MWG, FRT, PNJ
--------	---------------	-------------	----------------------	----------------------	-----------------	---------------------	-----------------	---------------	---------------

Tổng quan ngành

- Nhiều cửa hàng kinh doanh các mặt hàng phi thực phẩm (vd: điện thoại thông minh, đồ điện tử, gia dụng, trang sức, v.v...) đã phải tạm thời đóng cửa trong thời gian dài do giãn cách xã hội trong Q3/2021, khiến các công ty trong lĩnh vực này ghi nhận doanh thu/lợi nhuận sụt giảm hoặc thua lỗ trong kỳ.
- Máy tính bàn, laptop và các sản phẩm phục vụ học tập và làm việc trực tuyến tại nhà có nhu cầu cao.

Triển vọng

- Nhu cầu quay trở lại sau khi kết thúc giãn cách. Tuy nhiên, việc tiêu thụ một số sản phẩm trong nhóm này có thể bị hạn chế/trì hoãn do tác động của đại dịch đối với khả năng tài chính của người tiêu dùng, mặc dù mức độ nghiêm trọng có thể khác nhau ở các phân khúc người tiêu dùng khác nhau. Về triển vọng dài hạn, các sản phẩm này vẫn có thể được hưởng lợi từ nhu cầu nâng cao mức sống, sự gia tăng thu nhập của người tiêu dùng và tầng lớp trung lưu.

Triển vọng ngành

Ngành:	DỆT MAY	Phân ngành:		Triển vọng ngắn hạn:	TIÊU CỰC	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	MSH, STK, TCM, TNG
--------	----------------	-------------	--	----------------------	-----------------	---------------------	-----------------	---------------	--------------------

Tổng quan ngành

Tác động của COVID-19

- Các công ty dệt may chịu tác động từ dịch COVID-19 ở cả phía cung và cầu khi đại dịch xảy ra ở Trung Quốc – nguồn cung cấp nguyên phụ liệu dệt may quan trọng – và Mỹ, EU – những khách hàng lớn nhất của hàng dệt may Việt Nam.
- Trong khi đó, với sự bùng phát của dịch COVID-19 dẫn đến giai đoạn giãn cách xã hội dài trong Q3/2021 tại Việt Nam, các công ty dệt may, như nhiều nhà sản xuất khác, gặp không ít khó khăn trong việc duy trì sản xuất song song với kiểm soát lây nhiễm, khiến việc hoàn thành đơn hàng bị chậm trễ hoặc một số đơn hàng chuyển sang nhà sản xuất khác. Một bộ phận lao động rời nhà máy về quê đã gây ra tình trạng thiếu lao động cho một số cơ sở sản xuất.
- Giá trị xuất khẩu hàng dệt may giảm 2,2% so với cùng kỳ trong Q3/2021. Tuy nhiên, nhờ kết quả hoạt động tốt trong 6T2021 và sự phục hồi đáng khích lệ trong Q4, số liệu ước tính sơ bộ cho thấy ngành hoàn thành mục tiêu giá trị xuất khẩu hàng dệt may 39 tỷ USD cho năm 2021.

Triển vọng

Hậu COVID-19

- Trong viễn cảnh dài hơn sau đại dịch, chúng tôi kỳ vọng ngành dệt may Việt Nam sẽ tiếp tục vai trò không chỉ là trụ cột quan trọng trong xuất khẩu của cả nước mà còn là nhà xuất khẩu dệt may lớn trên thế giới. Việt Nam được xem là một trong những địa điểm sản xuất hấp dẫn với chi phí lao động thấp và lực lượng lao động lớn.
- Các hiệp định thương mại (FTA) cũng là những động lực đáng kể, có thể giúp các sản phẩm dệt may Việt Nam thu hẹp khoảng cách thuế so với một số đối thủ. Tuy nhiên, có thể ngành sẽ phải trải qua một quá trình khá dài để cải thiện các điểm yếu và đáp ứng các yêu cầu của FTA trước khi được hưởng lợi đáng kể.
- Lợi thế về chi phí lao động có thể không bền vững khi nhiều đối thủ khác đang nổi lên, do đó, ngành cần có những bước tiến mạnh mẽ hơn về cải thiện tỷ lệ giá trị gia tăng, giảm phụ thuộc vào nguồn cung Trung Quốc/nguyên liệu nhập khẩu (mà vẫn phải đảm bảo an toàn môi trường), tăng sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao hơn, v.v ...

Triển vọng ngành

Ngành:	NGUYÊN VẬT LIỆU	Phân ngành:	VẬT LIỆU XÂY DỰNG	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	HPG, HSG
--------	-----------------	-------------	-------------------	----------------------	-----------	---------------------	----------	---------------	----------

Tổng quan ngành

Tác động của COVID-19

Vật liệu xây dựng

- Việc nới lỏng các biện pháp hạn chế ở Việt Nam giúp các dự án xây dựng (cả dân dụng, công nghiệp và công cộng) quay trở lại hoạt động và kéo theo nhu cầu về vật liệu xây dựng quay trở lại.
- Trong một báo cáo mới đây của Bộ Xây dựng, giá vật liệu xây dựng cơ bản (đá, gạch, xi măng, cát) đã tăng từ 3-6% so với trước Covid do nhu cầu vật liệu xây dựng sau Covid có xu hướng tăng.
- Giá thép xây dựng trong nước ổn định khi giá nguyên liệu đầu vào (than luyện cốc, quặng sắt) ổn định trong suốt tháng 12.
- Tốc độ giải ngân chậm của các dự án hạ tầng công cộng trong những tháng cuối năm cũng khiến nhu cầu vật liệu xây dựng không tăng quá nhanh và do đó khiến giá vật liệu xây dựng chỉ tăng nhẹ (3-6% như đã đề cập ở trên).

Triển vọng

Hậu COVID-19

- Chúng tôi kỳ vọng sự trở lại của các dự án bất động sản vào đầu năm 2022 sẽ là động lực chính thúc đẩy nhu cầu vật liệu xây dựng.
- Nhu cầu vật liệu xây dựng cao hơn sẽ kéo theo giá vật liệu xây dựng tăng. Nhưng do chi phí vật liệu xây dựng ổn định nên giá vật liệu xây dựng sẽ chỉ tăng nhẹ (dưới 5%).

Triển vọng ngành

Ngành:	LOGISTICS	Phân ngành:	VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG BIỂN	Triển vọng ngắn hạn:	TIÊU CỰC	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	GMD, TCL, VSC
--------	-----------	-------------	------------------------------	----------------------	----------	---------------------	-----------	---------------	---------------

Tổng quan ngành

Tác động của COVID-19

- Chiến lược Zero Covid của Trung Quốc khiến hoạt động xuất khẩu thông qua vận tải đường bộ bị đóng băng khi họ đang thi hành chính sách đóng nhiều cửa khẩu ở miền Bắc Việt Nam.
- Chi phí vận tải đường bộ cũng tăng lên do thời gian chờ đợi lâu hơn tại cửa khẩu và chi phí nhiên liệu tăng vào tháng cuối năm 2021.
- Các công ty xuất khẩu đã chuyển từ sử dụng vận tải đường bộ sang vận tải biển như một phương thức thay thế để giải quyết vấn đề cửa khẩu VN-TQ nhưng tuyến đường biển đến Trung Quốc lại mất nhiều thời gian hơn và chi phí cao hơn do tình trạng thiếu container.
- Các tuyến giao thương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, EU vẫn còn gặp nhiều hạn chế khi số lượng container rỗng chưa đáp ứng đủ nhu cầu xuất khẩu.

Triển vọng

Hậu COVID-19

- Tình trạng thiếu container rỗng vẫn tiếp diễn và khiến giá cước vận tải biển ở mức cao (gấp 2-3 lần so với năm 2020).
- Mặc dù phí vận tải tăng nhưng lưu lượng hàng hóa bị giảm khiến doanh thu của các công ty vận tải biển tăng trưởng chậm lại do nhu cầu vận tải cao.
- Việc khởi công nhà máy lắp container của Hòa Phát có thể giải quyết một phần nhu cầu container rỗng trong dài hạn nhưng tình trạng khan hiếm container trong ngắn hạn vẫn có thể tiếp diễn trong 3-4 tháng tới.

Triển vọng ngành

Ngành:	LOGISTICS	Phân ngành:	HÀNG KHÔNG	Triển vọng ngắn hạn:	TIÊU CỰC	Triển vọng dài hạn:	TIÊU CỰC	CP tiêu biểu:	HVN, VJC
--------	-----------	-------------	------------	----------------------	----------	---------------------	----------	---------------	----------

Tổng quan ngành

Tác động của COVID-19

- Các chuyến bay quốc tế đã dừng khai thác từ đầu năm 2020 và các chuyến bay nội địa tại Việt Nam đã tạm dừng từ tháng 7/2021 trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 lan nhanh. Các chuyến bay quốc tế dự kiến sẽ được mở lại dần từ ngày 1/1/2022 với 5 điểm đến: Nhật Bản, Đài Loan, Singapore, Campuchia và Mỹ. Các chuyến bay đến Pháp, Đức, Nga, Úc và Hàn Quốc được đề xuất mở lại và đang trong quá trình thương thảo.
- Chuyến bay nội địa được mở lại từ tháng 10/2021 với tần suất thấp, và dự kiến sẽ trở lại hoạt động bình thường vào cuối năm. Tần suất các chuyến bay dự kiến được tăng lên từ ngày 29/12/2021 đến giữa tháng 1/2022 nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại dự kiến sẽ tăng trong Tết âm lịch 2022.
- Tính đến 11T2021, 6 hãng hàng không tại Việt Nam đã khai thác 116,458 chuyến bay trong nước, giảm 40,8% so với cùng kỳ năm trước. Hãng hàng không quốc gia Vietnam Airlines (HVN) ghi nhận số chuyến bay giảm 43,2% n/n trong khi hãng hàng không giá rẻ lớn nhất trong nước Vietjet Air (VJC) ghi nhận mức giảm 46,3% n/n.

Triển vọng

Hậu COVID-19

- Nhu cầu du lịch có thể sẽ tăng lại sau khoảng thời gian dài giãn cách. Một cuộc khảo sát của McKinsey cho thấy du lịch là hoạt động được mong muốn nhiều thứ hai sau đại dịch, chỉ đứng sau hoạt động ăn uống tại hàng quán. Tốc độ triển khai tiêm chủng vắc xin trong nước tăng nhanh góp phần hỗ trợ cho hoạt động du lịch phục hồi trở lại. Tuy nhiên, người dân có thể sẽ lựa chọn những phương tiện đi lại cá nhân do tình hình dịch bệnh trong nước vẫn chưa hoàn toàn được kiểm soát, gây bất lợi cho ngành hàng không. Thêm vào đó, lượng khách du lịch nội địa không thể bù đắp sự thiếu hụt của khách quốc tế. Trong trung và dài hạn, đường biên các nước sẽ tiếp tục đóng cửa do biến thể Omicron đang lan rộng ở các quốc gia khác.
- Tình hình dịch bệnh COVID-19 tại Hà Nội hiện vẫn còn phức tạp và điều này có thể ảnh hưởng đến kế hoạch du lịch trong nước trong mùa Tết.

Triển vọng ngành

Ngành:	LOGISTICS	Phân ngành:	VẬN TẢI HÀNG KHÔNG	Triển vọng ngắn hạn:	TÍCH CỰC	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	SCS, NCT
--------	-----------	-------------	--------------------	----------------------	----------	---------------------	----------	---------------	----------

Tổng quan ngành

Tác động của COVID-19

- Các nhà máy sản xuất cần tăng lượng hàng tồn kho sau thời gian giãn cách kéo dài, từ đó góp phần thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu tại Việt Nam
- Phí vận tải đường biển đã tăng 10 lần do thiếu hụt container, tạo lợi thế lớn cho vận tải hàng không. Tuy có giai đoạn giảm trong 5 tuần liên tiếp trong tháng 10-11/2021, cước phí vận tải đường biển đã quay đầu tăng trở lại trong thời điểm cuối năm khi lượng hàng hóa phục vụ cho mùa lễ hội tăng cao.

Triển vọng

Hậu COVID-19

- Dịp lễ hội cuối năm sẽ thúc đẩy chi tiêu và từ đó thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu
- Chúng tôi kỳ vọng cước vận tải đường biển sẽ duy trì ở mức cao đến giữa năm 2022, thúc đẩy lưu lượng hàng hóa vận tải bằng đường hàng không tăng cao.

Triển vọng ngành

Ngành:	ICT	Phân ngành:	VIỄN THÔNG	Triển vọng ngắn hạn:	TÍCH CỰC	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	FOX, MFS, VGI, CMG
--------	-----	-------------	------------	----------------------	----------	---------------------	----------	---------------	--------------------

Tổng quan ngành

Tác động của COVID-19

- Các dịch vụ Internet băng thông rộng (cả cố định và di động) có thể mở rộng mức tăng trưởng thuê bao và doanh thu trong thời kỳ đại dịch do nhu cầu kết nối Internet và nâng cấp các gói dịch vụ tăng lên để phục vụ các hoạt động khác nhau như học tập trực tuyến, làm việc tại nhà, cập nhật thông tin, giải trí và mua sắm online trong các giai đoạn giãn cách xã hội. Số liệu từ Cục Viễn thông Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông) cho thấy, số lượng thuê bao Internet băng rộng di động và cố định tính đến cuối tháng 10/2021 lần lượt tăng 14,5% và 4,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

Triển vọng

Hậu COVID-19

- Những lợi ích từ việc kết nối Internet, phát triển nền kinh tế số, chuyển đổi số tiếp tục là những yếu tố hỗ trợ ngành trong dài hạn. Ngoài phát triển thuê bao, các nhà mạng còn tìm kiếm phát triển các dịch vụ gia tăng để thúc đẩy tăng trưởng.

Triển vọng ngành

Ngành:	NĂNG LƯỢNG	Phân ngành:	ĐIỆN, NƯỚC	Triển vọng ngắn hạn:	TIÊU CỰC	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	REE, PPC, PC1
--------	-------------------	-------------	-------------------	----------------------	-----------------	---------------------	------------------	---------------	---------------

Tổng quan ngành

Tác động của COVID-19

- Nhiều tỉnh, thành phố phía Nam thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16 để đảm bảo yêu cầu phòng chống COVID-19 đã khiến sản lượng điện tiêu thụ trên cả nước giảm mạnh, đặc biệt là khu vực phía Nam. Sản lượng điện thương phẩm tiêu thụ sụt giảm mạnh không chỉ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh sản xuất của ngành điện miền Nam mà còn tiềm ẩn nhiều thách thức, nguy cơ đối với an ninh hệ thống lưới điện quốc gia. Trong Quý 3/2021, mức tiêu thụ điện bình quân hàng ngày trên toàn quốc giảm 10,5% so với Quý 2/2021 và giảm 4,1% so với Quý 3/2020 trong khi mức tiêu thụ điện trung bình hàng ngày của miền Nam giảm 23,4% so với Quý 2/2021 và giảm 13,6% so với Quý 3/2020.
- Trong tháng 10 và tháng 11, tình hình tiêu thụ điện đã có dấu hiệu phục hồi so với các tháng trước. Sản lượng điện sản xuất toàn hệ thống lần lượt đạt 20,28 tỷ kWh (-0,3% n/n) và 20,71 tỷ kWh (+3,9% n/n) vào tháng 10/2021 và tháng 11/2021. Sản lượng điện sản xuất lũy kế 11 tháng đạt 233,67 tỷ kWh (+3,6% n/n), trong đó phân bổ nguồn phát được huy động có xu hướng chuyển dịch từ thủy điện sang nhiệt điện vào cuối năm 2021, đầu năm 2022.
- Tiến độ thi công các công trình nguồn và lưới điện trọng điểm, đặc biệt là công tác giải phóng mặt bằng bị ảnh hưởng do nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16. Tuy nhiên, trong tháng 11/2021, EVN đã khởi công 119 công trình lưới điện; hoàn thành đóng điện các công trình lưới điện 110-500 kV, bao gồm chín công trình 550 kV, hai mươi công trình 220kV và tám mươi một công trình 110kV.

Triển vọng

Hậu COVID-19

- Năm 2022, nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội sẽ ở mức cao, khi chiến lược phòng chống dịch chuyển sang thích nghi an toàn, sống chung với Covid-19 và nền kinh tế mở cửa trở lại. Theo đó, EVN đề xuất hai kịch bản tăng trưởng sản lượng điện năm 2022 là 8,2% và 12,4%.
- Để các nguồn năng lượng tái tạo hiện có không bị hạn chế công suất do quá tải, EVN sẽ phải khẩn trương triển khai xây dựng đường dây và trạm biến áp để giải phóng công suất các nguồn năng lượng tái tạo đã đưa vào vận hành và 4.000 MW điện gió mới (và có khả năng thêm 3.500 MW nữa chưa được phê duyệt trước ngày 1/11/2021), đặc biệt là ở các khu vực Ninh Thuận, Bình Thuận và Quảng Trị.
- Tình hình thủy văn bất lợi hiện nay của các hồ thủy điện ở miền Bắc sẽ ảnh hưởng đến tình hình cung cấp điện năm 2022. Để sẵn sàng cho khả năng thiếu điện ở miền Bắc trong thời kỳ nắng nóng gay gắt từ tháng 5 đến tháng 7 năm sau, chúng tôi cho rằng EVN sẽ ưu tiên huy động nhiệt điện than để đảm bảo mục tiêu tích nước lâu dài cho các hồ thủy điện miền Bắc theo chỉ đạo của Bộ Công Thương dựa trên văn bản số 6690/BCT-ĐTDL ban hành ngày 25/10/2021.

Triển vọng ngành

Ngành:	NĂNG LƯỢNG	Phân ngành:	DẦU KHÍ	Triển vọng ngắn hạn:	TIÊU CỰC	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	GAS, PVD, PVS, PLX
--------	-------------------	-------------	----------------	----------------------	-----------------	---------------------	------------------	---------------	---------------------------

Tổng quan ngành

Tác động của COVID-19

- Sự suy giảm trong các hoạt động kinh tế nói chung và đặc biệt là nhu cầu vận tải do việc hạn chế thương mại và di chuyển ở nhiều nước khiến giá dầu giảm mạnh. Theo IEA, lĩnh vực vận tải chiếm 60% tổng nhu cầu dầu.
- Giá dầu thấp tác động tiêu cực đến giá bán khí tự nhiên và xăng dầu cũng như làm giảm động lực của các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí do không có lãi. Cùng với việc hạn chế di chuyển, nhiều dự án dầu khí trọng điểm cũng bị hoãn lại.

Diễn biến giá dầu và các ảnh hưởng trong năm 2021

- Giá dầu Brent đã tăng khá ấn tượng 63% từ 49,9 USD/thùng vào tháng 12/2020 lên 81,5 USD/thùng tháng 11/2021. Nhu cầu xăng dầu phục hồi, xuất phát từ sự gia tăng trong các hoạt động kinh tế, nới lỏng các biện pháp giãn cách xã hội và đẩy nhanh tiến trình tiêm chủng, là động lực chính thúc đẩy xu hướng tăng của giá dầu trong năm nay.
- Giá dầu tăng hỗ trợ tích cực cho giá khí bán ra của (HSX: GAS) và tỷ suất LN gộp của các thành phẩm xăng dầu trong bối cảnh chi phí tồn kho thấp (HSX: PLX, BSR). Mặt khác, việc chậm tiến độ khởi công các dự án dầu khí mới và hạn chế di chuyển giữa các nước trong nửa đầu năm 2021 đã gây ra nhiều áp lực lên giá cho thuê các giàn khoan (HSX: PVD) và khối lượng công việc mảng Cơ khí & Xây lắp của (HNX: PVS).
- Gần đây, giá dầu giảm 17% xuống 68 USD/thùng vào đầu tháng 12 do các ca lây nhiễm COVID gia tăng ở châu Âu và sự xuất hiện của biến thể Omicron. Sau đó, giá dầu tăng trở lại khá tốt lên 79 USD/thùng trong tháng 12 khi mà những nỗi lo về Omicron giảm.

Triển vọng

Hậu COVID-19

- Đối với năm 2022, nhu cầu dầu mỏ dự kiến sẽ tăng nhờ sự phục hồi của các hoạt động kinh tế, nhu cầu vận tải và tiến độ tiêm chủng. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng này sẽ chậm lại do Omicron hoặc sự xuất hiện của các biến thể tiềm ẩn khác cũng như tâm lý sợ lây nhiễm.
- Về nguồn cung, OPEC+ sẽ bổ sung 400.000 thùng/ngày mỗi tháng cho đến khi sản lượng đạt mức trước đại dịch.

Rủi ro

- Biến thể COVID mới với khả năng lây nhiễm và tử vong cao.
- Lo ngại ngày càng tăng về biến đổi khí hậu, doanh số ô tô điện và việc gia tăng đầu tư vào năng lượng xanh.

Triển vọng ngành

Ngành:	CHĂM SÓC SỨC KHỎE	Phân ngành:	DƯỢC PHẨM	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	DHG, IMP, DBD, DMC, TRA, PMC
--------	-------------------	-------------	-----------	----------------------	-----------	---------------------	----------	---------------	------------------------------

Tổng quan ngành

Tác động của COVID-19

- Các tác động tích cực có thể không quá đáng kể mặc dù nhu cầu về các sản phẩm thực phẩm chức năng, các sản phẩm vệ sinh cá nhân và một số loại thuốc điều trị triệu chứng do vi-rút gây ra có thể cao hơn.
- Hoạt động kinh doanh tại kênh bệnh viện có thể bị ảnh hưởng bất lợi do lưu lượng bệnh nhân (không phải bệnh nhân COVID-19) giảm trong các giai đoạn giãn cách xã hội và cao điểm của dịch bệnh.
- Các nhà máy phải xoay sở để duy trì sản xuất song song với việc kiểm soát lây nhiễm.

Triển vọng

Hậu COVID-19

- Lưu lượng bệnh nhân có thể trở lại sau giãn cách, hỗ trợ doanh thu kênh bệnh viện. Với bức tranh dài hạn hơn, tăng trưởng ngành có thể được hỗ trợ bởi các yếu tố như kinh tế phát triển, thu nhập tăng, dân số lớn bắt đầu có dấu hiệu già hóa cộng với các vấn đề sức khỏe phát sinh do môi trường và quá trình công nghiệp hóa. Tuy nhiên, làm thế nào để đưa ra các loại thuốc generic mới một cách nhanh chóng, gia tăng tỷ lệ thuốc có giá trị cao và nâng cao niềm tin của người tiêu dùng cũng như khả năng cạnh tranh có thể sẽ là thách thức cho các nhà sản xuất trong nước
- Một số công ty dược phẩm đã nộp hồ sơ xin phép sản xuất thuốc điều trị vi-rút Sars-Cov-2. Nếu được chấp thuận, ngoài việc góp phần giúp đất nước kiểm soát đại dịch tốt hơn, các công ty có thể nâng cao độ nhận biết về thương hiệu của mình và hưởng lợi từ lưu lượng khách hàng cao hơn.

Trụ sở chính

41, Mạc Đĩnh Chi Q.1, TPHCM

Tel: (+84 28) 3823 4159

Fax: (+84 28) 3823 5060

PHÒNG PHÂN TÍCH

Phó phòng Phân tích

Nguyễn Bình Thanh Giao

(+84 28) 3823 4159 (x250)

giaonbt@acbs.com.vn

CVPT – Bất động sản

Phạm Thái Thanh Trúc

(+84 28) 3823 4159 (x303)

trucptt@acbs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

10, Phan Chu Trinh Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (+84 24) 3942 9395

Fax: (+84 24) 3942 9407

CVPT – Hàng tiêu dùng, Công nghệ

Lương Thị Kim Chi

(+84 28) 3823 4159 (x327)

chilkt@acbs.com.vn

CVPT – Ngân hàng, tài chính

Cao Việt Hùng

(+84 28) 3823 4159 (x326)

hungcv@acbs.com.vn

ACVPT – Hàng tiêu dùng, Truyền thông

Trần Nhật Trung

(+84 28) 3823 4159 (x351)

trungtn@acbs.com.vn

CVPT- Dầu khí

Phan Việt Hưng

(+84 28) 38234159 (x354)

hungpv@acbs.com.vn

NVPT – Công nghiệp

Trần Trí An Phúc

(+84 28) 3823 4159 (x325)

phuctta@acbs.com.vn

CVPT – Vật liệu xây dựng

Huỳnh Anh Huy

(+84 28) 3823 4159 (x325)

huyha@acbs.com.vn

NVPT – PTKT

Lương Duy Phước

(+84 28) 3823 4159 (x354)

phuocld@acbs.com.vn

NVPT – Phái sinh, Vĩ mô

Trịnh Viết Hoàng Minh

(+84 28) 3823 4159 (x352)

minhvh@acbs.com.vn

GIÁM ĐỐC KHÓI KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

Tyler Cheung

(+84 28) 54 043 070

tyler@acbs.com.vn

Trưởng bộ phận – GDKHĐC

Chu Thị Kim Hương

(+84 28) 5404 6630 (x308)

huongctk@acbs.com.vn

NV Hỗ trợ khách hàng

Lê Nguyễn Tiến Thành

(+84 28) 3823 4798

thanhln@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Trần Thị Thanh

(+84 28) 5404 6626

thanhtt@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Chu Thị Minh Phương

(+84 28) 3823 4159 (x357)

phuongctm@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Lý Ngọc Dung

(+84 28) 3823 4159 (x313)

dungln.hso@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Nguyễn Phương Nhi

(+84 28) 3823 4159 (x315)

nhinp@acbs.com.vn

KHUYẾN CÁO

Nguyên Tắc Khuyến Nghị

MUA:nếu giá mục tiêu cao hơn 15% hoặc hơn (bao gồm suất sinh lợi cố tức) so với giá thị trường.

GIỮ:nếu giá mục tiêu trong khoảng -15% và 15% (bao gồm suất sinh lợi cố tức) so với giá thị trường.

BÁN:nếu tổng tỷ suất sinh lợi 12 tháng (bao gồm cổ tức) thấp hơn -15%.

Xác Nhận Của Chuyên Viên Phân Tích

Chúng tôi, các tác giả của bản báo cáo phân tích này, xác nhận rằng (1) các quan điểm được trình bày trong bản báo cáo phân tích này là của chúng tôi (2) chúng tôi không nhận được bất kỳ khoản thu nhập nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ các khuyến nghị hoặc quan điểm được trình bày đó.

Công Bố Thông Tin Quan Trọng

ACBS và các tổ chức có liên quan của ACBS (sau đây gọi chung là ACBS) đã có hoặc sẽ tiến hành các giao dịch theo giấy phép kinh doanh của ACBS với các công ty được trình bày trong bản báo cáo phân tích này. Danh mục đầu tư trên tài khoản tự doanh chứng khoán của ACBS cũng có thể có chứng khoán do các công ty này phát hành. Vì vậy nhà đầu tư nên lưu ý rằng ACBS có thể có xung đột lợi ích ở bất kỳ thời điểm nào.

ACBS phát hành nhiều loại báo cáo phân tích, bao gồm nhưng không giới hạn ở phân tích cơ bản, phân tích cổ phiếu, phân tích định lượng hoặc phân tích xu hướng thị trường. Các khuyến nghị trên mỗi loại báo cáo phân tích có thể khác nhau, nguyên nhân xuất phát từ sự khác biệt về thời hạn đầu tư, phương pháp phân tích áp dụng và các nguyên nhân khác.

Tuyên Bố Miễn Trách Nhiệm

Bản báo cáo phân tích này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, ACBS không cung cấp bất kỳ bảo đảm rõ ràng hay ngụ ý nào và không chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các thông tin chứa đựng trong báo cáo cho một mục đích sử dụng cụ thể. ACBS sẽ không xem những người nhận báo cáo, không nhận trực tiếp từ ACBS, là khách hàng của ACBS. Giá chứng khoán được trình bày trong kết luận của báo cáo (nếu có) chỉ mang tính tham khảo. **ACBS không đề nghị hoặc khuyến khích nhà đầu tư tiến hành mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào dựa trên báo cáo này. ACBS, các tổ chức liên quan của ACBS, ban quản lý, đối tác hoặc nhân viên của ACBS sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ (a) các thiệt hại trực tiếp, gián tiếp; hoặc (b) các khoản tổn thất do mất lợi nhuận, doanh thu, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tổn thất khác, kể cả khi ACBS đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại hoặc tổn thất đó, phát sinh từ việc sử dụng bản báo cáo phân tích này hoặc thông tin trong đó.** Ngoài các thông tin liên quan đến ACBS, các thông tin khác trong bản báo cáo này được thu thập từ các nguồn mà ACBS cho rằng đáng tin cậy, tuy nhiên ACBS không bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của các thông tin đó. Các quan điểm trong báo cáo có thể bị thay đổi bất kỳ lúc nào và ACBS không có nghĩa vụ cập nhật các thông tin và quan điểm đã bị thay đổi do cho nhà đầu tư đã nhận báo cáo này.

Bản báo cáo có chứa đựng các giả định, quan điểm của chuyên viên phân tích, tác giả của báo cáo, ACBS không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sai sót nào của họ phát sinh trong quá trình lập báo cáo, đưa ra các giả định, quan điểm. Trong tương lai, ACBS có thể sẽ phát hành các bản báo cáo có thông tin mâu thuẫn hoặc thậm chí có nội dung kết luận đi ngược lại hoàn toàn với bản báo cáo này. Các khuyến nghị trong bản báo cáo này hoàn toàn là của riêng chuyên viên phân tích, các khuyến nghị đó không được đưa ra dựa trên các lợi ích của bất kỳ cá nhân tổ chức nào, kể cả lợi ích của ACBS. Bản báo cáo này không nhằm đưa ra các lời khuyên đầu tư cụ thể, cũng như không xem xét đến tình hình và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư nào, những người nhận bản báo cáo này. Vì vậy các chứng khoán được trình bày trong bản báo cáo có thể không phù hợp với nhà đầu tư. ACBS khuyến nghị rằng nhà đầu tư nên tự thực hiện đánh giá độc lập và tham khảo thêm ý kiến chuyên gia khi tiến hành đầu tư. Giá trị và thu nhập đem lại từ các khoản đầu tư có thể thay đổi hàng ngày tùy theo thay đổi của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Các kết luận trong báo cáo không nhằm tiên đoán thực tế do đó nó có thể khác xa so với thực tế, kết quả đầu tư của quá khứ không bảo đảm cho kết quả đầu tư của tương lai.

Bản báo cáo này có thể không được phát hành rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng hay được sử dụng, trích dẫn bởi các phương tiện thông tin đại chúng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ACBS. Việc sử dụng không có sự đồng ý của ACBS sẽ bị xem là bất hợp pháp và cá nhân, tổ chức vi phạm có nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại, tổn thất (nếu có) đã gây ra cho ACBS từ sự vi phạm đó.

Trong trường hợp quốc gia của nhà đầu tư nghiêm cấm việc phân phối hoặc nhận các báo cáo phân tích như thế này thì nhà đầu tư cần hủy bản báo cáo này ngay lập tức, nếu không nhà đầu tư sẽ hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

ACBS không cung cấp dịch vụ tư vấn thuế và không nội dung nào trong bản báo cáo này được xem như có nội dung tư vấn thuế. Do đó khi liên quan đến vấn đề thuế, nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến của chuyên gia dựa trên tình hình và điều kiện tài chính cụ thể của nhà đầu tư.

Bản báo cáo này có thể chứa đựng các đường dẫn đến trang web của bên thứ ba, ACBS không chịu trách nhiệm đối với nội dung trên các trang web này. Việc đưa đường dẫn chỉ nhằm mục đích tạo sự thuận tiện cho nhà đầu tư trong việc tra cứu thông tin; do đó nhà đầu tư hoàn toàn chịu các rủi ro khi truy cập các trang web này.

© Copyright ACBS (2021). Mọi quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả là của ACBS và/hoặc chuyên viên phân tích, Bản báo cáo phân tích này không được phép sao chép, toàn bộ hoặc một phần, khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của ACBS.